

## VĂN BIA CHÙA TỪ HIẾU

Từ am An Dưỡng đến chùa Từ Hiếu



Cổng tam quan chùa Từ Hiếu.

Chùa Từ Hiếu tọa lạc trên một triền đồi làng Dương Xuân, huyện Hương Thủy, phủ Thừa Thiên, phía tây nam kinh thành Phú Xuân, nay nằm trên đường Lê Ngô Cát, phường Thủy Xuân, thành phố Huế. Khuôn viên chùa rất rộng, khoảng 50.000m<sup>2</sup>. Chùa quay mặt về hướng đông, có đồi thông tĩnh mịch bao quanh, khe nước lượn lờ trước mặt, khung cảnh tự nhiên thơ mộng. Vào năm 1843, vua Thiệu Trị cho hòa thượng Nhất Định từ dịch tăng cang chùa Giác Hoàng, ngài bèn cùng hai đệ tử đưa bà mẹ già 80 tuổi tìm về nơi này dựng am An Dưỡng để tu hành. Bấy giờ vùng này còn hoang vu, núi rừng rậm rạp, dân cư thưa thớt, lãnh thổ của sơn cầm dã thú. Nhà sư ấy vốn họ Nguyễn, không rõ thế danh, người làng Trung Kiên, tổng Bích La, huyện Đăng Xương, phủ Triệu Phong (tỉnh Quảng Trị), sinh năm Giáp Thìn (1784), đồng chân nhập đạo từ năm 7 tuổi với hòa thượng Phổ Tịnh chùa Báo Quốc, đến năm 19 tuổi được thế độ, pháp danh Tánh Thiên, tự Nhất Định. Bài thi kệ phó pháp như sau:

一定炤光明  
虛心月滿圓  
祖祖傳付囑  
道明繼性天

*Nhất định chiếu quang minh,  
Hư tâm nguyệt mãn viên.  
Tổ tổ truyền phú chúc,  
Đạo minh kể tính thiên.*

Tạm dịch:

Một niềm soi sáng tỏ,  
Lòng rộng nguyệt tròn đầy.  
Tổ tổ trao lời dặn,  
Tánh thiên nối đạo ngài.



Chánh điện chùa Từ Hiếu.

Năm 1830, sư được ban giới đao và độ điệp để trú trì quán Linh Hựu, rồi sung tăng cang chùa Giác Hoàng cho đến năm 1843 thì từ dịch về lập am An Dưỡng. An Dưỡng am lúc đầu là một ngôi thảo am nhỏ gọn, nửa trước thờ tượng Di Đà, nửa sau để giường nằm. Sư rất được Tùng Thiện Vương Miên Thẩm mến phục, thường muốn cúng dường đồ ăn thức uống, nhưng sư từ chối. Sư có tiếng hiếu thảo, tương truyền mẹ ốm, thầy thuốc khuyên ăn cháo cá cho chóng khỏi; sư thân hành xuống chợ Bến Ngự, mua cá treo đầu gậy quảy về nấu cháo cho mẹ ăn, không sợ miệng thiên hạ đàm tiếu. Sau khi sư tịch (1847), năm 1848, Nội Viện thái giám các triều Gia Long, Minh Mạng, Thiệu Trị nhiều người là đệ tử của sư, đã quyên cúng ruộng Giám ở Tây Lộc để dựng ngay tại am An Dưỡng một ngôi chùa sườn gỗ ba gian hai chái, vách xây, lợp ngói, bên phải có Lạc Nghĩa đường, bên trái có Ái Nhật đường; vua Tự Đức ban cho biển ngạch “敕賜慈孝寺 *Sắc tứ Từ Hiếu tự*”. Năm 1894, hòa thượng Cương Kỷ tổ chức đại trùng tu, làm lại tiền đường, làm thêm nhà khách, nhà hậu thành hình chữ khẩu, rồi dựng bia (1895). Vua Thành Thái thỉnh thoảng

lên chùa đàm đạo với sư. Năm 1931, hòa thượng Huệ Minh chủ trì làm lại toàn diện, xây thêm công tam quan, đào hồ bán nguyệt. Năm 1962, hòa thượng Chơn Thiệt trùng tu. Đến đây, chùa đã đổi khác, “ngoài bộ sườn chính điện được giữ nguyên, nhưng lại được nâng cao lên, thoát hẳn lối kiến trúc chỉ vụ thấp bé ngày xưa; còn tiền đường và cột kèo ở hậu điện đều đúc bằng sắt và xi măng, nền lát xi măng láng. Các nhà Báo Đức đường, Trung Nghĩa đường đều được sơn quét sửa sang”.<sup>(1)</sup> Năm 1971, thượng tọa Chí Niệm sửa sang lại tam quan và hồ bán nguyệt. Chùa quay hướng đông, nhìn ra tháp Bồ Đề, nơi chứa những pháp tượng, pháp khí và kinh sách hư nát, xây năm 1896. Phía đông là lăng tẩm bà Chiêu Nghi Trần Thị Xạ với tấm bia cổ, một kiến trúc duy nhất trong số lăng tẩm của các ông hoàng bà chúa thời tiền Nguyễn thoát khỏi sự phá hoại của nhà Tây Sơn. Khu nghĩa địa các thái giám cũng nằm phía đông, có bia. Tháp ngài Nhất Định nằm sát vách chùa, do đệ tử và tín đồ quyên cúng xây dựng ngay trên nền thảo am cũ.

Hà Xuân Liêm viết: “Nếu nhìn kỹ thì chúng ta phải nói rằng Từ Hiếu là mô hình của chùa Huế. Thứ nhất là cách kiến trúc hình chữ khẩu với các kiểu nhà trùng thiềm và các mô típ đặc trưng xứ Huế. Thứ hai là cách tổ chức hài hòa giữa các công trình nhân vi với núi đồi thiên nhiên sẵn có. Nhưng đó là cái mô thức (forme) biểu thị một nội hàm (fond) hoàng viễn hơn, là sự chứng Đạo của hòa thượng Nhất Định và các vị hòa thượng khác đồng thời với ngài. Sự chứng đạo này đã chuyển hóa được con người trong xã hội Huế và chuyển hóa môi trường thiên nhiên để tạo thành cảnh chùa Từ Hiếu và các chùa Huế về sau”.<sup>(2)</sup>

### Những áng văn bia chùa Từ Hiếu

Chùa Từ Hiếu rất nhiều liên đối, văn khắc trên bia cũng nhiều hơn các chùa khác, kể cả chùa Thiên Mụ: 1. An Dưỡng am Nhất Định hòa thượng hành thực bi ký; 2. Sắc tứ Từ Hiếu tự bi ký, Cung Giám Viện thái giám đẳng lặc tục bi chí; 3. Diệ Quang tháp bi ký; 4. Bồ Đề tháp bi ký; 5. Trùng tu Từ Hiếu tự bi ký; 6. Từ Hiếu tự Cương Kỳ hòa thượng tháp bi ký; 7. Thiên Hưng tự giáo thụ hòa thượng bi minh. Bia cuối cùng này tuy ở chùa Từ Hiếu nhưng lại thuộc về chùa Thiên Hưng, nên sẽ giới thiệu trong mục văn bia chùa Thiên Hưng. Để tiện theo dõi, chúng tôi chia làm 3 nhóm: bia ghi việc xây dựng, sửa chữa chùa; bia ghi hành trạng các sư trụ trì; và bia tháp Bồ Đề.

#### 1. Bia ghi việc xây dựng chùa Từ Hiếu

Bia này có hai mặt, mặt trước khắc bài văn sau khi xây dựng chùa xong, được vua Tự Đức ban biên ngạch *Sắc tứ Từ Hiếu tự* năm 1848, do Nguyễn Đăng Giai viết; mặt sau khắc thêm bài văn do các thái giám trong Cung Giám Viện viết để ghi công đức năm 1849. Xin nói về tác giả bài văn bia. Nguyễn Đăng Giai (? -1854) là con Nguyễn Đăng Tuân (1772-1844),<sup>(3)</sup> người xã Phù Chánh, tổng Thủy

Liên, huyện Lệ Thủy, phủ Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình (nay thôn Phù Khánh, xã Hưng Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình), tự Toản Phu, pháp danh Đại Phương, thụy Văn Úy, không rõ năm sinh, đỗ cử nhân khoa Ất Dậu, Minh Mạng 6 (1825).<sup>(4)</sup> Ban đầu, ông được sơ bổ Hàn Lâm Viện, thăng Hộ Bộ Lang trung, rồi đổi ra làm Tham hiệp trấn tại Nam Định (1829), đổi Bố Chánh sứ Thanh Hóa. Tại đây, ông tổ chức phòng ngự mặt biển, lại lập Sở Dưỡng Tế và mở đường cảng để giúp dân có công ăn việc làm trong cơn đói kém. Năm 1833, ông được cử làm Tổng thống quân vụ đại thần tham gia vào việc trấn áp cuộc nổi dậy của Lê Duy Lương, Quách Tất Công ở Ninh Bình; năm 1836, trở về Thanh Hóa, rồi năm 1841 lại ra Bắc Ninh, làm thự Tổng đốc Ninh Thái (Bắc Ninh - Thái Nguyên); năm 1843 đổi thự Tổng đốc Sơn Hưng Tuyên (Sơn Tây - Hưng Hóa - Tuyên Quang). Ông tổ chức việc giáo dục, đặt chức giáo thụ ở tỉnh Tuyên Quang. Sau khi về cư tang cha (1844), năm 1846, ông được bổ Tổng đốc Hà Ninh (Hà Nội - Ninh Bình), lo việc trị thủy, đề xuất đào vét và mở rộng hệ thống sông ngòi để chia bớt thể nước của Sông Hồng, nhưng không được chấp nhận. Năm 1848, vua Tự Đức lên ngôi, gọi ông về triều, thăng thự Hiệp biện Đại học sĩ, lãnh Thượng thư Bộ Hình, kiêm sung Tổng tài Quốc Sử Quán; được hai năm, năm 1850 lại ra làm Tổng đốc An Tĩnh (Nghệ An - Hà Tĩnh), năm sau đổi Tổng đốc Hà - Ninh, kiêm coi việc quân ở Ninh - Thái - Lạng - Bằng (1853). Năm 1854, ông đem quân đi đánh giặc phi từ Trung Quốc tràn sang Cao Bằng; đến mùa thu, bị ốm, về điều trị và mất ở Hà Nội. Con ông là Nguyễn Đăng Hành, đỗ Tiến sĩ, cũng hy sinh trong khi đi đánh dẹp giặc già.<sup>(5)</sup>

### **Dịch nghĩa:**

#### **[Mặt trước bia]**

#### **Bài ghi trên bia chùa Từ Hiếu được sắc vua ban**

Chùa ở trên phần đất xã Dương Xuân, huyện Hương Thủy, phủ Thừa Thiên. Núi đất liên tiếp bao quanh, khe con quanh co bọc trước, Ngự Bình trấn giữ phía đông nam, Hương Giang uốn lượn phía tây bắc, thật là một thắng cảnh kỳ diệu của kinh sư. Chùa là nơi trú trì và viên tịch của thiền sư Nhất Định họ Nguyễn ngày trước. Sư lúc đầu trú trì chùa Giác Hoàng, giới luật chặt chẽ nghiêm trang, từ lâu rất được dân na tin tưởng; đến khi tuổi già, sư trở về chỗ này, dựng am tu thiền, thiện nam tín nữ tụ tập đông đúc, học trò ngày càng tăng thêm, nghiêm nhiên là một phương trượng,<sup>(6)</sup> một bồng lư<sup>(7)</sup> vậy. Ngày mùng 7 tháng Mười năm Đinh Mùi,<sup>(8)</sup> sư thị tịch, sơn môn xây dựng tháp cất giữ xá lợi<sup>(9)</sup> tại am cũ. Ngày tháng Hai năm Mậu Thân,<sup>(10)</sup> các tín đồ đệ tử tại gia là thái giám Dương Oai, Đặng Tín, Nguyễn Khanh, Đỗ Thị, Nguyễn Đức, Trần Tập, Trần Ngôn, Ngô Siêu, cung giám Phạm Lãm, Nguyễn Túc, Võ Cù, Phạm Lâm, Cao Dương, Dương Ất, Phạm Thâm, Đặng Tam, Nguyễn Chấn, Hoàng Chính, cùng các tín nữ pháp danh Thanh Phương



Nhà bia ghi việc dựng chùa năm Tự Đức thứ 2, 1849, dựng phía trái trước chánh điện.



Mặt trước bia ghi việc dựng chùa năm 1849.

Đặng Thị Thảo, ni cô pháp danh Thanh An Lê Thị Chuyên, Thục nhân Nguyễn Thị Mão, thừa sự Trần Thị Tuyên, tùy sự Nguyễn Ngọc Thị Nghiêm, Nguyễn Thị Hạnh, từ lâu đã mến mộ đức từ bi của Thế Tôn,<sup>(11)</sup> cảm nhớ công khuyến dạy của Nhất Định, phát tâm bồ đề cùng gắng sức quyên góp tiền của, làm mới ngôi chùa này ba gian hai chái, phía sau dựng nhà Thông Hội, bên trái dựng nhà Lạc Thiện, bên phải dựng nhà Ái Nhật, và nhà bia, nhà chuông, phòng tăng, mỗi thứ một cái, đều tường xây gạch, mái lợp ngói, bên trong tôn trí tượng Phật Tam thế,<sup>(12)</sup> tượng Quan Thế Âm Bồ Tát, tượng Hộ Pháp Long Thiên Bồ Tát,<sup>(13)</sup> tượng Già Lam Chân Tể Quan Thánh Đế Quân Bồ Tát, một quả chuông lớn, ruộng thờ, đồ thờ và pháp khí chỉnh tề đầy đủ; giữ nguyên tăng cang và các đệ tử lại coi sóc. Công trình xây dựng xong, đem việc tâu lên, vua ban tên là chùa Từ Hiếu, và ra ơn cấp tiền bảy trăm quan, làm lễ lạc thành. Thái giám Dương Oai, Đặng Tín, Đỗ Thị muốn đem việc ấy khắc đầy đủ lên đá, đến xin tôi bài văn. Tôi vốn rất thích đạo Phật, không thể chối từ, liền rửa tay kính cẩn chép rằng:

Kỳ diệu thay! Chùa đẹp biết bao! Chùa xưa gọi là chiêu đề, gọi là già lam, gọi là đạo trường, các tên khác nhau; gọi là di ái, gọi là mẫn trung, gọi là báo ân, gọi là sùng khánh,<sup>(14)</sup> nhân đó mà thành ý nghĩa. Vả lại, chùa biết bao nhiêu không kể xiết, mà lấy Từ Hiếu đặt tên cho, thì chỉ là một vậy. Nay, từ là đức lớn của Phật, không có từ thì không biết lấy gì để tiếp xúc với chúng sinh, để cứu vớt muôn loài; hiếu là hạnh lớn của Phật, không có hiếu thì không biết lấy gì để bao trùm trời đất, đạt đến u minh. Sách *Đại học* nói rằng người quân tử không ra khỏi nhà mà có thể dựng thành phép dạy ở trong nước,

tức là nói lấy “từ” mà dạy cho thiên hạ; lời của nhà Nho đều có thể dùng làm pháp ngôn vậy.<sup>(15)</sup> Lớn lao thay! Cao xa thay! Đứng đắn thay! Sâu sắc thay! Bạc thánh nhân lo cho nhân tâm thế đạo thật đến nơi đến chốn. Cũng như ngôi chùa này vậy. Thiền sư Nhất Định khéo dùng từ mà tiếp xúc chúng sinh, nên nhiều đàn việt có

thể lên huyền môn của Hoa Tạng,<sup>(16)</sup> ngộ tính hải của Tỳ Lư,<sup>(17)</sup> chẳng phải là thuộc về từ ư? Bọn người cung giám chúng tôi lấy đạo hiệu thờ bậc sư trưởng mà khiến công đức ấy thành trang nghiêm, lại có thể ngụ cái ý thờ cúng tổ tiên, làm cái bờ bên của kiếp sau, chẳng phải là thuộc về hiệu ư? Tuy sáu năm thành đạo, ngài Nhất Định chưa dám sánh với Đại Hùng Sư,<sup>(18)</sup> mười khoảnh trái vàng, kẻ đàn na chưa dám nghĩ là Cấp Cô Độc;<sup>(19)</sup> nhưng rạng rỡ một nhà từ hiệu, lũy lừng muôn thửa tôn phong, ngôi chùa này há chỉ có cái danh sông trôi sao? Chưa bàn lẽ đậu dưa gieo nhân chịu quả,<sup>(20)</sup> tất nhiên sự giáo dục rõ ràng, cái danh nghĩa đúng đắn, con người như thế, ngôi chùa như thế, tên gọi như thế, sự tốt lành không thể thiếu sót vậy. Vì thế viết bài ký này. Lời mình rằng:

Từ bi hiệu thuận, Phật giáo diệu huyền.  
Chùa tên Từ Hiếu, vua ngụ lời khuyên.  
Núi cao chẳng kể, cột có người tiên.  
Nhớ ngài Nhất Định, khổ hạnh tu thiền.  
Dương Xuân nền cũ, đồ nát am chiền.  
Tốt thay cung giám, tin ngộ nên duyên.  
Nhớ xưa đức thủy, mở rộng phúc điền.  
Ngôi chùa rạng rỡ, tường vách mới nguyền.  
Trên thờ Phật Tổ, dưới cúng gia tiên.  
Một nhà từ hiệu, sau trước vẹn tuyền.  
Dầu làm thiện nhỏ, phúc sẽ vô biên.  
Khắc vào đá tốt, mãi mãi lưu truyền.

Ngày tốt tháng đầu mùa hè năm Kỷ Dậu, Tỵ Đức thứ 2 (1849).<sup>(21)</sup>

Thự Hiệp biện Đại học sĩ lãnh Hình Bộ Thượng thư, chịu giới Bồ Tát tại gia, Nguyễn Đăng Giai, pháp danh Đại Phương, kính ghi.

#### [Mặt sau bia]

Ngày tốt tháng đầu mùa xuân năm Bính Dần, Tỵ Đức thứ 19 (1866),<sup>(22)</sup> thái giám ở Viện Cung Giám khắc tiếp bài văn bia.

Trộm nghĩ: Đời người mộng ảo, thương thay trần tục dờ dang; việc thế tang thương, chỉ chút tâm điền tự tại. Bọn nội viện chúng ta: Cả đời cửa cấm, một kiếp gò hoang. Vâng sắc ban chùa Từ Hiếu, ấy là để chúng ta có nơi về cõi tây. Đại sư Cương Kỷ họ Lê dắt dẫn chúng ta đi trên con đường giác ngộ; no lòng rau cháo, cần chi bùi béo đời người; dốc chí đạo thiền, riêng những dòi dào duyên khác. Cột rường chôn ấy, ngôi chùa tỏ rõ trang nghiêm; hương lửa nơi này, gạch đá trở thành

mới mẻ. Tiền vàng trải đất, người cổ là ai? Bè báu vớt mê, niềm vui được cày. Vì thế, dốc lòng mua tậu ruộng tốt để làm duyên tịnh độ kiếp sau; tắc đất tắc lòng, xin để ghi phúc của đàn na ngày nay cùng tất cả sự tín cúng của đàn na thập phương đều khắc vào đá để lưu truyền không nát. Những viên nhân cúng ruộng lần lượt trình bày vào sau bài văn bia:

Tài nhân triều trước Phan Thị Quý, điền nô Nguyễn Đức, thống sự Đặng Thị Tịch cùng cúng ruộng một mẫu hai sào tại xã Thanh Lam. Ni cô chùa Hoằng Nhân trong nội cung là Lê Thị Chuyên cúng ruộng bốn mẫu năm sào tại xã Thần Phù. Kiểm sự Trần Khoa, Đặng Tín, điền nô Đỗ Thị cùng cúng ruộng một mẫu năm sào; cung nga triều trước Nguyễn Dịch Thị Khế cúng ruộng năm sào; quản sự Đỗ Thị Thìn cúng ruộng một mẫu; đều tại xã Thần Phù. Nguyễn Thị Bình, đệ tử của thừa tá Hoằng Chính; Bùi Thị Giáo, vợ chính của ông lang trung cùng cúng ruộng một mẫu năm sào tại xã Thanh Lam. Thừa tá Đoàn Tuy, phụng nghi Hồ Xuyên, thừa tá Lê Trung, Trịnh Sĩ, Trần Giác, thừa vụ Phạm Thường cùng cúng ruộng một mẫu tại xã Thanh Lam. Nguyên hộ nô Phùng Dưỡng cúng ruộng một mẫu hai sào tại xã Dương Xuân. Hộ nô Nguyễn Cư, Nguyễn Hữu cúng ruộng một mẫu bốn sào tại xã Dương Xuân. Võ Kế, Trần Tâm cúng ruộng sáu sào tại xã Dương Xuân. Kiểm sự Hoàng Thạch cúng ruộng năm sào; hộ nô Nguyễn Đa, cung sự Bùi Nhuận cúng ruộng năm sào tại xã Hồ Thủy. Nguyên thừa tá Lê Cúc, cung giám Nguyễn Cầu, Ngô Hợp, Nguyễn Đề, Bùi Báo, Đào Độ, Lê Lượng, Trần Phúc cúng ruộng bốn sào tại xã Dương Xuân. Đoàn Phi, cung nhân triều trước Nguyễn Thị Hưng, Hoàng Thị Tĩnh, Nguyễn Thị An, Lê Thị Lịch, tòng sự Nguyễn Thị Thứ, tùy sự Nguyễn Thị Thóa, tòng sự Nguyễn Thị Thiện, đệ tử Nguyễn Thị An, trú trì chùa Từ Hiếu Lê, thống sự Nguyễn Thị Thóa, Ngô Thị Sánh, Nguyễn Thị Thu cùng cúng ruộng một mẫu hai sào tại xã Thần Phù, do con gái là thị Thuế kính thờ.

Đại sư trong chùa là Lê (Cương Kỷ) cùng các viên thuộc nội viện trộm nghĩ: Ngôi chùa đã lâu năm, nay cần sửa chữa, chỉ vì tiền của không nhiều, nên không biết lo liệu làm sao! May có đệ tử là thái giám phụng nghi Nguyễn Phụng dấy động lòng lành, không nề khó nhọc, quỳên góp đàn na thí chủ cùng gieo ruộng phúc. Ngửa cầu các bậc cao quý tôn vinh trải vàng khắp đất, hoàn toàn vui lòng giúp đỡ, vẹn tròn công đức vô lượng. Kính đội ơn đức: Từ Dũ Bác Huệ Thái hoàng Thái hậu ban bạch kim năm lượng; Trang Huy Hoàng hậu ban tiền năm trăm quan; Thiện phi Nguyễn Đình thị, các vị nội cung triều trước, Quang phi đương triều Trần thị, hoàng tử thứ hai Nguyễn Phúc, cùng các viên nhân bổn viện và thiện tín kính cúng. Xin nêu cao tất cả, cầu được chứng giám.

Ngày tốt tháng thứ hai mùa xuân năm Ất Dậu (1885)<sup>(23)</sup> bắt đầu sửa chữa. Kính ghi.

## 2. Bia ghi việc trùng tu chùa Từ Hiếu

Do sự ngoại hộ của Cung Giám Viện và nội cung triều Nguyễn, hòa thượng Cương Kỳ trùng tu chùa Từ Hiếu lần thứ hai năm 1894, nhưng đến đầu năm 1899 mới khắc dựng bia sau khi hòa thượng Cương Kỳ viên tịch trước đó một năm. Bia không ghi tác giả, nhưng có thể biết bài văn do chính người của Cung Giám Viện viết.

**Dịch nghĩa:**

**[Mặt trước]**



Nhà bia ghi việc trùng tu chùa năm 1899, dựng phía phải trước chánh điện.



Mặt trước bia ghi việc trùng tu chùa năm 1899.

### Bài bia ghi việc trùng tu chùa Từ Hiếu

Trời lấy đạo chở muôn vật mà đạo vốn không hình, người lấy phúc đáp ý trời mà phúc hiện ở việc. Xem cuộc sống đến và đi thì biết đầu mối của đạo lớn; xem việc đời đầy hoặc cạn thì biết nguồn gốc của phúc lành. Vả chăng, bọn chúng ta sinh ra ở đời, gom từ chỗ khác biệt của bốn phương lại làm một nhà, họp từ cái xa cách của bốn họ lại làm người thân, lúc việc công rảnh rồi, trời trong khí tạnh, đặt tiệc mua vui, vỗ tay thích thú, liếc xem việc thế, thương xót kiếp người! Có cảm xúc trong lòng mới biểu hiện ra ngoài mặt. Lúc ấy, thái giám Hồ Xuyên bảo tất cả rằng: “Bọn ta không dật không cày mà đủ ăn đủ mặc. Kể từ hoàng gia dựng lập đến nay đã hơn trăm năm, các bậc tiền bối trở lại chẳng biết bao nhiêu, những kẻ hậu sinh nối theo chẳng biết nơi dứt. Huống chi bọn ta, suốt đời việc sống chết là rất hệ trọng, [như] chim bay chiều còn về tổ, ngựa Hồ hí gió bắc”.<sup>(24)</sup> Nói rồi, ứa nước mắt, ai nấy nhìn nhau ràn rụa. Liền đó, Nguyễn Xuân Phụng lại nói: “Phải có

chùa. Chùa Từ Hiếu đã được tiên thánh Dục Tông Anh Hoàng đế sắc ban tên. Phải có thầy. Các bậc tiền bối ta đã từng quy y đại lão hòa thượng Yết ma Cương Kỳ. [Chúng ta] nên sửa sang, nên làm thêm cho rộng rãi, để có thể hợp với đạo trời, có thể tạo phúc đời, có thể gởi cuộc sinh tử, có thể về nơi yên nghỉ, khỏi lo sợ gì!’. Rồi [ai nấy] chung sức đồng lòng, đóng sức góp ruộng, tỏ trước rạng sau, thật là một việc thiện lớn lao. Tất cả quyết chí hiệp công, tính liệu xếp đặt; hòa thượng Yết ma chứng minh mọi việc. Ngày tháng Tám năm Giáp Ngọ niên hiệu Thành Thái (1894),<sup>(25)</sup> bắt đầu công việc, mở rộng các tòa điện, đường, đúc mới hai pho tượng Phật, một mái tiền đường, nhà ở, nhà sau, nhà bia, hồ nước, tất cả đều được sửa sang.

Năm sau, tháng Ba,<sup>(26)</sup> công trình xong xuôi. Lúc ấy, những người trong viện là quản vụ, điển sự, phụng nghi, cung sự Vũ Kê, hộ nô Nguyễn Cư, ứng phụng, thừa tá, cung giám Lê Nghĩa, Đàm Thọ, Mai Vinh, cung sự Nguyễn Đề (mới đến nhóm), Hồ Xuyên, Nguyễn Phụng, Trần Đạt, Bùi Nhuận, Phạm Thường, Nguyễn Lai, Nguyễn Đa, Lê Cúc, Đoàn Hiếu, Nguyễn Hữu, Đào Nghiêm, Trần Phúc, Bùi Phương, Nguyễn Chiêu, cung giám Nguyễn Thông (mới bổ sung), đóng góp tiền 7.500 quan. Rồi đem việc tâu lên, nhà vua ra ơn cho tiền 2.665 quan; phi tần, hoàng thân, công chúa các triều, văn võ quan viên các triều, thiện nam tín nữ cúng tiền cộng 1.900 quan. Cần thận chọn điển sự Bùi Nhuận, phụng nghi Phạm Thường, tự trưởng Tâm Tịnh, tri sự Huệ Minh coi sóc công việc; lễ khánh thành vui vẻ, trọn vẹn mọi bề. Ngày mùng 1 tháng Ba năm Mậu Tuất (1898),<sup>(27)</sup> đại lão hòa thượng [Cương Kỳ] viên tịch. Núi Thái Sơn sụp đổ! Sông Lương Thủy cạn khô!<sup>(28)</sup> Gặp cảnh ấy đau xót khôn cầm! Bọn ta có được chỗ nương tựa mà không thể dâng một chút gì để cúng dường thầy ta sao? Tứ chúng có ngôi nhà để quy y mà không thể ngửa trông đức lớn để nảy sinh lòng lành sao? Từ nay, lấy bia đá để lưu truyền không mục nát vậy. Cho nên làm bài ký này. Lời mình rằng:

Đồng ruộng Dương Xuân, bờ sông Hương Thủy.

Chuông vọng Hàn Sơn,<sup>(29)</sup> hoa trôi Vũ Thủy.<sup>(30)</sup>

Khấp chôn quy y, một niềm hoan hỷ.

Công đức hoàn thành, rõ ràng đẹp đẽ.

Ngọc Trần cây xanh, Ngự Bình mây tía.

Nguyện khắc minh này, nghìn thu dấu để.

Ngày tốt tháng Giêng năm Kỷ Hợi, Thành Thái thứ 11 (1899).<sup>(31)</sup>

Kính tạo bia.

**[Mặt sau]**

Số lượng thập phương cúng dường, kính xin khắc hết sau đây:



Mặt sau bia ghi việc sửa chùa năm 1899, khắc danh sách tín cúng của bốn đạo thập phương.

- Dưới đây là nội cung các triều: Hoàng quý phi Nguyễn Hữu thị (Nhân)<sup>(32)</sup> 5 đồng, dĩ hạ Lễ tần Nguyễn Nhược thị (Bích)<sup>(33)</sup> 5 đồng, Đoan tần Trương thị 3 đồng, Tiệp dư Trần thị 1 đồng. Mỹ nhân: Nguyễn Trang thị 1 đồng, Hồ Thị Quy 1 đồng, Lê thị 5 đồng, Tài nhân Nguyễn Trang thị 3 quan, Tài nhân Nguyễn Thị Phương 3 quan, Tài nhân Trương Thị Thân 1 đồng; Nguyễn Thị Phương 1 lạng. Các cung nhân: Võ Thị Đồn 1 đồng, Nguyễn Thị Sam 3 quan, cung nhân Nguyễn Thị Khôi 3 quan; Lê Thị Lịch 2 đồng, Trương Thị Minh 1 đồng. Các cung nga: Nguyễn Thị Khiết, Nguyễn Thị Thủy, Trần Thị Lệ, Phạm Thị Tiên, Nguyễn Thị Xạ, Lê Thị Phầm 3 đồng. Các cung nga: Nguyễn Thị Khiết 1 đồng, Đặng Thị Thuế 1 đồng; Nguyễn Thị Điều 3 quan, Nguyễn Thị Tư 1 đồng; Trần thị 1 quan, thị Hậu thị Sơn 1 đồng.

- Các tần ngự triều hiện nay: Hoàng quý phi Nguyễn Gia thị 300 quan, Tiệt phi Trần thị, Đoàn thị 2 đồng, Thịnh tần Nguyễn thị 1 đồng, Dịch tần Trương thị 1 lạng, Tiệp dư Dương thị 1 đồng, cung nga Nguyễn Thị Nghinh 5 quan.

- Các hoàng thân: Tuy Lý Vương (Miên Trinh) 3 quan, Hoàng Trị quận vương 1 đồng, An Phước quận vương 3 đồng, hoàng đệ Ngọc Thiện 3 đồng, Tự Tân công chúa 1 đồng, Lạc Thành công chúa 1 đồng, đệ nhị hoàng nữ 1 đồng, đệ nhất công chúa 3 lạng, đệ nhị công chúa 1 lạng, Kiên Thái Vương phi 1 đồng, Phù Quốc công phu nhân 3 đồng, Phù Quốc công thứ nhất Phan thị 1 đồng, Xuyên Quận công phủ thiếp Nguyễn thị 3 quan, Trần Quốc công phủ thiếp Trần Thị Tập, Trần Thị Cẩm, mỗi người 1 đồng, nguyên Hộ Bộ Thượng thư chính thất 1 lạng, Thượng thư thứ thất 1 quan, nguyên Thượng Thanh Tôn Thất Trường chính thất 1 đồng, Hộ lý Nội Vụ Dương Bình 2 đồng, Thị lang thứ thất Nguyễn Thị Tâm 1 đồng, nguyên Bộ chính Nguyễn Khoa Luận 1 đồng, nguyên Án sát chính thất Bùi thị 5 đồng, thị Binh 3 quan, cô Lang 200 quan, Hải Lăng huyện Tri huyện Phạm Doãn Khánh 2 quan, Kiểm thảo chính thất Phan thị 1 đồng, Hình Bộ Tư vụ chính thất 3 đồng, nguyên Thanh Hóa Đề đốc Hồ Trí phu thê 2 đồng, Hiệp lãnh thị vệ Tổng Phúc Lương 2 đồng; Phó quản cơ Phan Đình Luận 1 đồng, Hiệp quản Phạm chính thất 3 quan.

- Các nữ quan: Thống sự Đào Thị Đễ 2 lạng, Thống sự Nguyễn Thị Tý 3 đồng; Quản sự dĩ hạ Nguyễn Thị Thìn 50 quan, Phan Thị Kiên 1 quan. Các thừa sự thị Thóa 5 đồng, gạo thô 10 phương, thị Trung 5 đồng; tòng sự thị Vạn 1 đồng,

Mậu Tân tổ mẫu 1 đồng. Các tùy sự: thị Siêu 3 quan, thị Thục 2 quan. Các tùng sự: thị Năng 2 đồng, thị Sung 1 cuộn giấy long văn, thị Cho 3 quan, thị Lai 3 quan, Nguyễn Thị Tú 3 quan, Nguyễn Thị Đạo 3 quan, Nguyễn Thị Ngộ 3 quan, thị Thân 1 quan, thị Cương 1 quan, thị Quyên 1 quan, thị Cải 1 quan, Đinh Thị Liên 1 quan, Phan Thị Thục 1 quan, Nguyễn Thị Đồ [Xà] 1 quan, thị Thường 1 quan, thị Liệt 1 quan. Công Tôn Hoài Cầu 1 mạch, Công Nữ Như Thụy 2 quan; Tôn Nữ Thị Trúc 6 mạch, Tôn Nữ Thị Lý 3 đồng. Các quản biện: Võ Thị Túc, thị Ngộ 1 đồng. Các thị tỳ: Dương Thị Cư 5 đồng, gạo thô 2 phượng, Nguyễn Thị Vân 5 lạng, 2 lá cờ, thị Duy 5 quan. Thừa biện Nguyễn Khoa Truất 3 quan, chính thất 3 đồng.

- Các thiện nam tín nữ: ẩm sinh Lê Đình Thống 3 đồng, Lâm Tiền Xuất 2 quan, Thành Xương 2 quan, ẩm sinh Phan Đình Luận 1 đồng, Trần Gia Vỹ 2 quan, thím Ta 2 quan, sắc phong cung nhân Nguyễn Thị Huy 5 đồng, thị Thừa 3 đồng, thị Cao 3 đồng; thị Nghi Tân 2 quan, thím Hữu 1 quan, mả lão Tôn 1 đồng, Trần Thị Cư 1 đồng, thị Lộc 5 mạch, thị Tinh 5 mạch, Phan Thị Xứng, thị Tùng, thị Niên, thị Viên, thị Định, mụ đội Xuân đều 5 mạch, thị Sần 30 xu, thị Khiết 3 mạch, thị Hào 3 mạch, thị Tường 3 mạch, thị Chí 3 mạch, Nguyễn Thị Thịnh 2 mạch, Nguyễn Thị Hậu 2 mạch, thị Hưu 2 mạch, Võ Thị Tuất 2 mạch, thị Đồ 1 mạch, thị Trừ 1 mạch, thị Du 1 mạch, Phạm Thị Lợi 1 mạch, mả Nghi Diệu 3 đồng, Hoàng Thị Tùy, thị Hoành 4 hào, Nguyễn Thị Ít 1 hào, thị Sảnh 10 quan, thị Dĩnh 6 quan, Nguyễn Thị Ngoạn 6 quan, Đinh Thị Bửu 6 quan, thị Tri 6 quan, Phan Thị Được 1 đồng, Phan Thị Tám 1 đồng, đạo An 1 đồng, thừa Vĩnh 1 đồng, Nguyễn Thị Phái 50 cây tre xanh.

### **3. Văn bia ghi hành trạng hòa thượng Tánh Thiên Nhất Định**

Tháp mộ hòa thượng Nhất Định do các môn nhân đệ tử xây dựng ngay bên trái chùa, cao bảy tầng, xung quanh có la thành, trước có nhà bia, cột trụ khắc dòng chữ 覺皇僧綱臨濟正宗諱性天一定和尚之塔 *Giác Hoàng tăng cang Lâm Tế chính tông húy Tánh Thiên Nhất Định hòa thượng chi tháp*. Bia khắc bài văn ngắn gọn, không đề tên tác giả.

#### **Dịch nghĩa:**

#### **Bài văn khắc bia ghi tiểu sử hòa thượng Nhất Định ở am An Dưỡng**

Sư người thôn Trung Kiên, tổng Bích La, huyện Đăng Xương,<sup>(34)</sup> tỉnh Quảng Trị, họ Nguyễn, sinh năm Giáp Thìn [1784], đồng chân xuất gia, thờ hòa thượng Phổ Tịnh<sup>(35)</sup> chùa Báo Quốc làm thầy. Đến năm 19 tuổi, sư được xuống tóc làm tăng, pháp danh Tánh Thiên, tự Nhất Định, rồi thụ tam đàn (Cụ Túc giới) với hòa thượng Mật Hoằng,<sup>(36)</sup> nhưng cũng vẫn là đại sư nổi dòng pháp của hòa thượng Phổ Tịnh. Năm Bính Tý [1816], thầy về cõi tây, sư giữ chức trú trì chùa Báo Quốc. Trải mười bốn năm, vào năm Minh Mạng thứ 11 [1830],<sup>(37)</sup> ơn vua ban cho giới đạo và độ điệp; năm thứ 14 [1833], sung trú trì quán Linh Hựu,<sup>(38)</sup> lại vâng chỉ làm tăng cang chùa



An Dưỡng tháp, tháp mộ của hòa thượng Tánh Thiên Nhất Định, tổ khai sơn chùa Từ Hiếu.



Bia ghi hành trạng  
hòa thượng Nhất Định.

Giác Hoàng. Đến năm Quý Mão, Thiệu Trị thứ 3 [1843], sư sáu mươi tuổi, may được vua cho về dưỡng già vì bệnh. Thời trẻ, sư đã từng đến Trâu Khê<sup>(39)</sup> luôn, nay dự định xây tháp mộ tại đó, bên dựng am ở bên tả, lấy tên là An Dưỡng am, sống an nhàn để dưỡng bệnh. Đến năm Đinh Mùi, Thiệu Trị thứ 7, sư sáu mươi bốn tuổi, ngày mồng 7 tháng Mười [14/11/1847], tự nhiên viên tịch. Môn nhân bèn xây tháp mộ bên hữu am. Đệ tử và tín đồ thụ giáo rất nhiều.<sup>(40)</sup> Đến năm đầu niên hiệu Tự Đức, các viên thái giám trong Nội Viện phát tâm nâng cấp ngôi chùa ấy, cửa tường rộng rãi, cột mái to cao, vâng sắc vua ban tên là chùa Từ Hiếu.

Ôi! Đức hạnh suốt đời của sư vốn từ bi, nguồn gốc thiêng liêng của mọi điều lành, trước lấy hiệu để làm “sáng lòng” nhằm đạt đến chỗ “thấy tính”, rồi sau tự sửa mình để độ cho người.

Gương sáng treo lên, mọi vật soi vào, mây lành che khắp, cây phủ bóng râm, ảnh hưởng của đạo tốt lành thật là rộng rãi. Nay bày tỏ vài lời khắc vào bia đá của nhà chùa để lưu truyền không mục nát, lưu lại cho đời đời ghi nhớ.

Dựng bia ngày tốt tháng Bảy năm đầu niên hiệu Tự Đức triều vua nhà Nguyễn [1848].<sup>(41)</sup>

Các đệ tử kính ghi.

#### 4. Văn bia ghi hành trạng hòa thượng Hải Thiệu Cương Kỳ

Tháp Hải Thiệu Cương Kỳ dựng ở khu tháp mộ bên phải chùa, cũng cao 7 tầng, la thành bao bọc, trước có bốn trụ biểu và nhà bia. Bia khắc hai mặt, mặt trước thuật tiểu sử, hành trạng của sư, không có nhan đề (chúng tôi tạm thêm vào trong hai góc vuông), mặt sau là mười lăm lời nguyện của sư, hành văn như kiểu bài minh.



Tháp mộ hòa thượng Cương Kỳ.

**Dịch nghĩa:**

**[Bài văn và minh bia tháp lão hòa thượng**

**Hải Thiệu Cương Kỳ chùa Từ Hiếu]**

**[Mặt trước]**

Giờ Thân ngày mùng 1 tháng Ba nhuận năm Mậu Tuất,<sup>(42)</sup> tôn sư hòa thượng Yết ma chùa Từ Hiếu thị tịch, các đệ tử nhận lời trời trăng, ngay trong tháng vâng rước vào tháp. Xúc động biết bao! Tôn sư sinh năm Canh Ngọ, thọ 89 tuổi, pháp húy Hải Thiệu, pháp hiệu Cương Kỳ, người làng Xuân An, tỉnh Quảng Trị, con nhà họ Lê.<sup>(43)</sup> Năm 24 tuổi xuất gia, năm 25 tuổi xuống tóc,<sup>(44)</sup> năm 31 tuổi thụ tam giới,<sup>(45)</sup> năm 35 tuổi đắc pháp,<sup>(46)</sup> nối dòng Lâm Tế chính tông đời thứ 40, thừa kế dòng tu của hòa thượng Tánh Thiên chùa được sắc tứ Từ Hiếu vậy. Năm Mậu Thân niên hiệu Tự Đức [1848], sư sửa chữa nâng cấp chùa; tượng Phật, đồ thờ hoàn toàn trang nghiêm, nghiêm nhiên là một danh lam chốn Thần kinh. Năm Giáp Ngọ niên hiệu Thành Thái [1894], sư hiệp cùng đại lão hòa thượng chùa Báo Quốc<sup>(47)</sup> mở đại giới đàn, ấy là một vận hội lớn của nước Việt Nam ta. Rực rỡ sao! Đúng đắn



Mặt trước bia ghi hành trạng  
hòa thượng Cương Kỳ.



Mặt sau bia ghi 15 lời nguyện của  
hòa thượng Cương Kỳ.

thay! Kính nghĩ tôn sư: trí tuệ mây trùm, đạo tâm ơn khắp, đến lúc tuổi già vẫn giáo hóa không ngừng, tu hành chẳng mỏi, vùi vùi trong chốn tùng lâm. Hơn năm chục xuân, ai nấy kính phục đức hạnh, mến mộ phong thái; trên từ cung phủ, tự viện, dưới đến thiện tín thập phương, đều về xin quy y đông đảo, bậc nhất trong các chùa vậy. Nổi dòng tu thì sơn tăng hoặc cư sĩ không dưới ba chục người, đệ tử sáu trăm người, thụ giới bảy, tám trăm người, dấu ấn tâm pháp của tôn sư sâu sắc biết bao, học tập đạo pháp của tôn sư dày dặn biết bao! Năm tôn sư 85 tuổi [Giáp Ngọ 1894], đệ tử xin xây tháp; năm ngoái lại dựng nhà bia, vì muốn dùng đá tốt để lưu truyền lâu dài. Bởi vậy nên có bài minh rằng:

Tòa pháp nguy nga, rừng thiền tĩnh mịch.

Tám chín mùa xuân, tự nhiên thị tịch.

Mười lăm lời nguyện, rất hợp tự nhiên.

Trời tây cõi thánh, chẳng phải hư truyền.

Toàn thể đệ tử kính lạy ghi chép.

#### [Mặt sau]

Ta sinh năm Canh Ngọ, 24 tuổi xuất gia, 25 tuổi xuống tóc, 31 tuổi thụ Cụ Túc, 35 tuổi đắc pháp, trú trì chùa này suốt 43 năm, lần lửa tuổi hoa, dần dà năm tháng, chẳng dè non tây ác lặn, bóng xế cảnh dâu, nay đã 81 tuổi. Tự ta một lòng phát ra 15 lời nguyện, ngửa xin đấng Đại Giác chứng minh, thương xót nhận cho, ấy là niềm trông mong của ta. Lời nguyện như sau:<sup>(48)</sup>

1. Thân mình khác lạ, không giống Bạch y.<sup>(49)</sup>
  2. Miệng thường trong sạch, chẳng nói thị phi.<sup>(50)</sup>
  3. Nghĩ làm ngay thẳng, không bỏ tôn ty.<sup>(51)</sup>
  4. Lòng thường chịu đựng, rũ tham sân si.
  5. Ăn vào đúng ngộ, chẳng trễ hạn kỳ.
  6. Giữ gìn đạo hạnh, chẳng mất uy nghi.
  7. Ngôi chùa bền vững, điện Phật quang huy.
  8. Ở thường yên ổn, vật dụng thiếu gì.
  9. Cùng hàng đệ tử, xa lánh tai nguy.
  10. Đàn na thí chủ, phúc thọ khang hy.
  11. Oan thân<sup>(52)</sup> bình đẳng, về hội Liên Trì.<sup>(53)</sup>
  12. Khi nào tịch diệt, biết trước ngày đi.
  13. Ngồi ngay thị tịch, xách dép tây quy.<sup>(54)</sup>
  14. Không sinh không mất, thấu rõ vô vi.
  15. Sớm thành đạo pháp, cứu vớt lầm mê.
- Trống không tự dứt, nguyện ta khôn cùng.  
 Tình với không tình, vẹn tròn chủng trí.<sup>(55)</sup>

Ngày mồng 5 tháng Giêng năm Canh Dần, Thành Thái thứ 2 [25/1/1890].

Trên đây là những phát nguyện.

Lời của ngài Yết ma a đà lê chùa sắc tứ Từ Hiếu, húy Hải Thiệu.

Quản thái giám ở Viện Cung Giám Hồ Xuyên và điền sự thái giám Nguyễn Phụng cùng cúng một tòa bia, các đệ tử Tâm Tịnh, Huệ Minh<sup>(56)</sup> kính ghi.

### ***5. Văn bia ghi hành trạng hòa thượng Hải Thuận Lương Duyên***

**Dịch nghĩa:**

#### **[Bài văn ghi trên bia tháp Diệu Quang]**

Ở bên phải tháp An Dưỡng [tức tháp mộ của hòa thượng Nhất Định] lại có một tháp đứng sừng sững, đó là tháp Diệu Quang, một khu mộ lớn cất giữ cốt vàng của thầy ta, hòa thượng tăng canh họ Đỗ, theo ý nguyện của ngài khi về cõi tây. Sư người làng Bích Khê, tỉnh Quảng Trị, sinh năm Bính Dần,<sup>(57)</sup> mười ba tuổi xuất gia, vào chùa Báo Quốc, được hòa thượng Nhất Định thế độ làm tăng, pháp danh



Diêu Quang tháp, tháp mộ của hòa thượng Hải Thuận Lương Duyên.



Bia ghi hành trạng  
hòa thượng Hải Thuận Lương Duyên.

vắng không chẳng nghe ai nói đến. Thầy ta vô cùng thương xót mộng trần khôn tỉnh, đạo Phật khó bày, ngày 19 tháng Tư năm Giáp Ngọ [23/5/1894], mở giới đàn lớn; năm ấy, sư đã tám mươi chín tuổi, gắng sức thân già giúp khắp chúng sinh, làm thành một việc lớn. Đó lại là một công đức vô cùng lớn lao vậy. Sau khi cuộc

Hải Thuận, hiệu Lương Duyên.<sup>(58)</sup> Năm Ất Mùi, sư được cấp giới đao và độ điệp, chuẩn cho trú trì chùa ấy, rồi làm tăng cang.<sup>(59)</sup> Gần bốn mươi năm ở chùa công, sau những lúc cầu cúng rảnh rỗi, sư trùng tu chùa Báo Quốc, nhân thừa sức, lại sửa sang chùa Tuệ Lâm, Kim Tiên. Ôi! Đang thời đạo pháp suy vi, thầy ta một phen ra tay vực dậy.<sup>(60)</sup> Đức thầy rộng lớn nên gieo trồng nhiều, cho nên thiện nam tín nữ khắp nơi nghe pháp mà quy y, ngóng đức mà mến chuộng, nhân đó mà hồi tâm quay về nẻo thiện, hoặc xin thể độ, hoặc xin pháp phái không biết đến mấy trăm người. Lại nhân đó mà gần gũi, nhận được y bát chân truyền, nay gọi là hàng tự pháp đích tử thì có chín người.<sup>(61)</sup>

Triều ta từ thừa khai sáng đến nay, số hòa thượng nối nhau mở giới đàn độ sinh chỉ có sáu người; ba, bốn chục năm gần đây thì

lễ giới đàn xong xuôi, sư ngày càng khỏe dần. Bỗng một hôm sư bảo người thân tín rằng: “Ta sắp về tây rồi đây”. Ngày 11 tháng Giêng năm Ất Mùi [15/2/1895], sư ốm nhẹ, tập hợp môn đồ dặn dò pháp yếu. Ngày 13 [17/2/1895], giờ Thìn, dùng trà xong, ngồi ngay mà hóa, thọ chín mươi tuổi. Đến giờ Ngọ ngày 18 tháng Tư [12/5/1895], làm lễ nhập tháp.

Lúc ấy, núi mây mờ mịt, cây cỏ đau buồn, những người đưa rước đều lưu luyến cảm thương. Than ôi! Trong đời, ai có chút tài năng, chút việc thiện thì hãy khắc vào đá để lưu truyền đến vô cùng, hướng chi thầy ta một đời gian khổ, trải bảy xuân thu mà nở để vui lấp đi, thì đó là lỗi của bọn ta. Vì vậy, bàn bạc cùng nhau khắc vào đá tốt dựng ở trước tháp, để tỏ sự bền chắc và để lại lâu dài. Vả lại, thầy ta lên nơi diêu giác nhìn lại, cuộc đời và thân thể đều là giả, người và ta đều là không, sao đủ để nói bền chắc và lâu dài làm gì? Nhưng bọn ta sợ dĩ cứ nhắm nhắm chạm khắc, không phải ở chỗ lâu bền, mà là để chọn cái có thể nhấn bảo người sau, nên ghi chép vào lời để tỏ rõ cái đức của thầy ta. Đó là cái cần làm cho lâu bền vậy. Nên viết bài ký này.

Quản vụ thái giám Hồ Xuyên, diễn sự thái giám Nguyễn Xuân Phụng cùng cúng một tấm bia đá.

Ngày 18 tháng Tư năm Thành Thái thứ 7 [12/5/1895].

Các môn đồ kính dựng bia.

## 6. Văn khắc tại bia tháp Bồ Đề

**Dịch nghĩa:**



Tháp Bồ Đề.

### Bài ghi ở tháp Bồ Đề

Lão nạp<sup>(62)</sup> là Hải Thiệu ở chùa sắc tứ Từ Hiếu trộm xét rằng Thần kinh là đất quan trọng, chùa công và chùa núi<sup>(63)</sup> đều là di tích bậc nhất cả. Tuy nhiên, tháp để chứa sách, chứa tượng xưa nay chưa có. Nay (lão nạp) muốn xây dựng một ngôi tháp để tiện thu chứa sách, tượng hư hỏng, nhưng vật hạng phần nhiều ít ỏi, chưa thể sắp đặt. Nay gặp đệ tử là diễn sự thái giám Nguyễn Xuân Phụng đem việc tâu lên, may được Hoàng thái hậu thánh minh soi xét, nghĩ đến tấm lòng của kẻ ngu này mà nhận lời, đặc biệt ban tiền và gạch để sung vào việc xây dựng và thuê mướn. Nhân đó, đặt tám biển ba chữ “Bồ Đề tháp” để lại lâu dài cho đời sau, làm sáng đạo Thiền.

Kính mời các chùa, am, các nhà dân xa gần, ai có sách, tượng hư hỏng thì cứ đưa đến đây, chúng tôi sẽ đón tiếp tất cả đem chứa vào tháp, cho khỏi bị mất mát. Cái ý người xưa trân trọng và nuôi tiếc ấy là ước nguyện của lão nạp vậy. Minh rằng:

Tượng kinh hiền thánh, chứa cất có nơi.

Kính mà còn tiếc, mãi với đất trời.

Làm ngày tốt tháng Ba năm Giáp Ngọ, Thành Thái [thứ 6 - 1894].<sup>(64)</sup>

## CHÚ THÍCH

- (1) Hà Xuân Liêm, *Lịch sử Phật giáo xứ Huế*, sđd, tr. 293.
- (2) Hà Xuân Liêm, *Những chùa tháp Phật giáo ở Huế*, sđd, tr. 371.
- (3) Nguyễn Đăng Tuấn (1772-1844) tự Tín Phu, hiệu Thận Trai, thụy Văn Chính, quê Phù Chánh, Lệ Thủy, Quảng Bình, xuất thân trong gia đình nho học, nhưng gặp hồi loạn lạc cuối thế kỷ XVIII, ông ẩn dật. Đầu thời Nguyễn, có người tiến cử, ông được bổ vào Hàn Lâm Viện rồi đi Tri huyện Ngọc Sơn (Thanh Hóa), về sung chức Thị giảng ở nội cung. Đầu thời Minh Mạng, năm 1820, ông được bổ Lễ Bộ Thiêm sự; năm 1827 ra làm Hộ tào Bắc thành, lại về làm Lễ Bộ Hữu Tham tri, Quốc Sử Quán Phó Tổng tài, rồi sung giáo đạo dạy dỗ các hoàng tử, trong đó có Miên Tông (tức vua Thiệu Trị). Năm 1842, ông được thăng hàm Hiệp biện Đại học sĩ và về trí sĩ. Ông mất tại quê nhà mùa đông năm Giáp Thìn (1844).
- (4) Sách *Đại Nam liệt truyện* lại chép năm Minh Mạng nguyên niên (1821). Nhưng năm ấy không mở khoa thi Hương.
- (5) Nguyễn Đăng Hành (1823-1862): đỗ cử nhân khoa Quý Mão, Thiệu Trị 3 (1843); đỗ Đệ tam giáp đồng tiến sĩ xuất thân ân khoa Mậu Thân, Tự Đức 1 (1848) năm 26 tuổi; sơ bổ Biên tu ở Viện Tập Hiền, thăng Thị độc, lãnh Án sát Quảng Ngãi; năm 1861, thăng Hồng Lô tự khanh, lãnh Bồ chánh Khánh Hòa; năm 1862, sung Thương biện quân vụ quân thứ Nam Đạo, chuyển sang Bắc Đạo, đánh dẹp thổ phỉ tại Bắc Ninh và hải khẩu tại Quảng Yên; khi đóng quân tại Đông Hồ (phủ Thuận Thành), bọn phỉ tấn công mạnh, ông tử trận, được cấp tuất ưu hậu và truy tặng Bồ chánh sứ. Em là Nguyễn Đăng Hộ xin thay coi đạo quân của anh để đánh giặc báo thù, vua cất nhắc hàm thị giảng, cấp cho tiền kho để mộ quân.
- (6) Phương trượng: tương truyền nhà đá của cư sĩ Duy Ma Cật vuông vắn, mỗi bề chỉ dài một trượng, cho nên đời sau gọi nhà hay phòng của sư tăng là phương trượng (Có hai vị Duy Ma Cật: 1. Duy Ma Cật chính tên là Duy Ma La Cật, tiếng Phạn Vimalakirty, cư sĩ ở thành Tỳ Da Ly nước Diêu Hỷ, đến chỗ đức Phật để nghe ngài thuyết pháp; 2. Vương Duy tự Ma Cật, nên người ta gọi là Duy Ma Cật, một nhà thơ đời Đường, cũng là một cư sĩ. Đây chỉ cư sĩ Duy Ma La Cật).
- (7) Bồng lư: ngôi nhà làm bằng lau sậy.
- (8) Ngày 7 tháng Mười năm Đinh Mùi, Dương lịch ngày 14/11/1847.
- (9) Xá Lợi: hay xá lợi, tiếng phạn *sari*, *sarira*, phiên đầy đủ là *thiết lợi la*, *thất lợi la*, xương và tro của thân cốt Phật, có toàn thân xá lợi là nguyên vẹn và toái thân xá lợi là phần chia ra để thờ nhiều nơi. Còn chỉ thân cốt các vị cao tăng.
- (10) Tháng Hai năm Mậu Thân, Tự Đức năm đầu, Dương lịch trong khoảng từ 5/3 đến 3/4 năm 1848.
- (11) Thế Tôn: chỉ đức Phật Thích Ca Mâu Ni, vì ngài có đủ muôn đức được thế gian kính trọng và nâng lên bậc cao nhất.

- (12) Tam thế Phật: Các đức Phật trong ba đời, mỗi đời có một nghìn vị, quá khứ (như Phật Ca Diếp, Tỳ Bà Thi), hiện tại (như Phật Thích Ca) và tương lai (như Phật Di Lặc).
- (13) Hộ Pháp Long Thiên Bồ Tát: Long Thiên Bồ Tát là một trong các vị thần hộ pháp (Tứ Thiên Vương, Kiên Lao, Địa Kỳ...), đã thề trước đức Thích Ca là sẽ quyết tâm bảo vệ, giúp đỡ Phật pháp đến cùng.
- (14) Đây là nói về tác dụng của việc xây dựng chùa, cốt để tạo sự kính mến, từ bi (di ái), hết lòng giúp đỡ (mẫn trung), đền ơn trả nghĩa (báo ân), và ban phát điều may mắn (sùng khánh).
- (15) Chú ý cách giải thích của Nguyễn Đăng Giai ở đây hoàn toàn không liên quan gì đến câu chuyện sư Nhất Định mua cá nuôi mẹ cả. Nhưng như thế không phải là câu chuyện ấy không có. Chúng tôi cho rằng ở đây, Nguyễn Đăng Giai đã “tán” quá nhiều, cũng như các vua nhà Nguyễn đã lấy sách Nho để giảng kinh Phật, mà thật ra, hai bên khác nhau xa, một bên nhập thế, một bên xuất thế. Chẳng qua Nho dùng một số yếu tố tư tưởng trong Phật có lợi cho mình để làm mạnh thêm cái đạo trị nước, còn Phật cũng dùng một số yếu tố tư tưởng trong Nho để khẳng định sự tồn tại của mình trong xã hội.
- (16) Huyền môn của Hoa Tạng: Hoa Tạng giới tức Liên Hoa tạng giới, cõi có sự báo ứng kỳ diệu, cõi tịnh độ của báo thân chư Phật, toàn do hoa sen báu tạo thành, cũng như Cực Lạc giới.
- (17) Tính hải của Tỳ Lư: pháp thân của đức Phật Đại Nhật Như Lai tức Tỳ Lư Già Na (vairocana) sâu rộng như biển. Tên vị này được nói đến trong kinh Hoa Nghiêm, có trí tuệ bao trùm cả các Phật, kể cả Như Lai.
- (18) Đại Hùng Sư: vị thầy có sức mạnh lớn lao, tức Phật Thích Ca Mâu Ni, đại hùng, đại lực, đại từ bi. Đạo Phật trọng sức mạnh, nhưng cái “hùng”, cái “dũng” phải kèm theo trí tuệ và từ bi (bi, trí, dũng) mới đạt hiệu quả đúng và cao. Chính thời Trần nước ta nhờ vận dụng tư tưởng ấy mà tạo được sức mạnh toàn dân đánh thắng giặc Nguyên Mông đang làm mưa làm gió trên thế giới.
- (19) Cấp Cô Độc: tiếng Phạn *Anāthapindika*, tên hiệu của một nhà buôn rất giàu (trưởng giả) ở thành Xá Vệ, tên thật là Tu Đạt Đa (Sudatta) cũng dịch âm là Tô Đạt Đa. Ông thường đem tiền của ban phát cho những người nghèo khó, neo đơn, nên được xưng tụng bằng nhiều danh hiệu như Cấp Cô Độc, Cấp Chư Cô Lão Thiện Dữ, Thiện Cấp, Thiện Thí, Chẩn Tế Bàn Phạn... Khi đức Phật ở Ma Kiệt Đà, ông đến vấn pháp ba lần, trở thành ưu bà tắc (hoặc kể: nhân đi buôn đến thành Vương Xá (Rājagṛha), ghé vườn Trúc Lâm nghe Phật thuyết pháp, ông thấu hiểu và vui lòng quy y). Ông bèn mời Phật đến thành Xá Vệ cứu độ chúng sinh. Ông muốn mua khu vườn đẹp nhất của thái tử Kỳ Đà (Jeta Jeta), con vua Ba Tư Nặc nước Câu Tát Na (Kosala) ở thành Xá Vệ (Sāvatthī), thường gọi là Kỳ Đà Viên hay Kỳ Viên, để cúng cho Phật làm tịnh xá; thái tử Kỳ Đà ra điều kiện phải trải vàng trên mặt đất, trải đủ đến đâu bán đến đó. Ông trải vàng khắp vườn, trừ các gốc cây. Thái tử bằng lòng, bèn bán vườn, còn cây thì vẫn thuộc về mình, nhưng cũng cúng cho Phật luôn, kể cả những rêu đất còn lại nên người ta gọi là Kỳ Đà Thụ Cấp Cô Độc Viên (Kỳ Thụ Cấp Cô Độc Viên), vấn tắt là Kỳ Viên. Ông còn xây dựng một tịnh xá rộng rãi khang trang, đủ cho Phật và 1.250 đệ tử ở và tu học, gọi là Kỳ Đà Lâm Tu Đạt tịnh xá (gọi tắt: Kỳ Đà Viên tịnh xá), trong có bệnh xá, đúc tám quả chuông, bốn quả bằng bạch kim, bốn quả bằng pha lê, mỗi khi có bệnh tăng lâm chung thì những quả chuông phát ra bài kệ làm cho hết khổ não, được an vui hay vắng sinh tịnh độ.
- (20) Câu cách ngôn cổ: “Chủng qua đắc quả, chủng đậu đắc đậu” (trồng dưa được dưa, trồng đậu được đậu), ý nói nhân nào thì quả nấy, báo ứng chẳng sai.

- (21) Dương lịch trong khoảng từ ngày 23/4 đến ngày 21/5 năm 1849.
- (22) Dương lịch từ 17/1 đến 15/2 năm 1866.
- (23) Dương lịch từ 15/3 đến 13/4 năm 1885. Như vậy, đoạn cuối của mặt sau tấm bia này là văn khắc lần thứ ba sau khi trùng tu năm 1885.
- (24) Phòng theo câu văn cổ: “Việt điều sào nam chi, Hồ mã tể bắc phong”, con chim nước Việt bao giờ cũng chọn cành cây phía nam mà đậu, vì phía nam là nơi tổ quán của nó; con ngựa xứ Hồ khi thấy gió bắc thổi thì cất tiếng hí vì nhớ đến quê hương.
- (25) Tức năm Thành Thái thứ sáu, Dương lịch trong khoảng từ ngày 31/8 đến ngày 28/9 năm 1894.
- (26) Tức tháng Ba năm Ất Mùi, Dương lịch từ ngày 26/3 đến ngày 24/4 năm 1895.
- (27) Dương lịch: ngày 22/3/1898.
- (28) Thái Sơn, Lương Thủy: núi Thái Sơn cao lớn, sông Lương Thủy dài sâu (hai địa danh ở Trung Quốc). Chỉ công lao, đức nghiệp của thiền sư hay chỉ chính thiền sư đã viên tịch như một thiệt thời không thể bù đắp được.
- (29) Chuông vọng Hàn Sơn: Hàn Sơn là một ngôi chùa cổ trên sườn núi cùng tên bên ngoài thành Cô Tô, cách Tô Châu (nay tỉnh Giang Tô, Trung Quốc, gần Thượng Hải) độ 7km, bên bờ một con sông chảy ra đổ vào Trường Giang. Chùa Hàn Sơn gắn liền với bài thơ nổi tiếng “Phong Kiều dạ bạc” của Trương Kế.
- (30) Hoa trôi Vũ Thủy: chúng tôi không rõ điển tích này.
- (31) Dương lịch: trong khoảng từ ngày 10/2 đến ngày 11/3 năm 1899.
- (32) Tức Nguyễn Hữu Thị Nhân, con gái của quận công Nguyễn Hữu Độ, vợ vua Đồng Khánh.
- (33) Nguyễn Nhược Thị Bích (1830-1909): người làng Đông Giang, huyện An Phước, tỉnh Ninh Thuận, con ông Bồ chánh Nguyễn Nhược Sơn, mẹ họ Nguyễn. Từ bé, bà được theo dõi việc bút nghiên, thông kinh sử, giỏi văn thơ. Năm 1848, bà được tiến cung hầu vua Tự Đức. Bà từng dạy học ở nội cung, được tôn xưng là “Tiếp dư phu tử”, rồi làm Bí thư cho Hoàng Thái hậu Từ Dũ. Bà có viết quyển *Loan dư hạnh thực ca* bằng thơ lục bát kể lại chuyện kinh thành thất thủ, vua Hàm Nghi xuất bôn.
- (34) Huyện Đăng Xương: xưa tên Thuận Xương, năm 1883, vì húy tên vua Kiến Phúc (Nguyễn Phúc Ưng Đăng) nên phải đổi Vũ Xương. Nay là huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị.
- (35) Hòa thượng Phổ Tịnh ( ? -1816): vốn họ Nguyễn, không rõ thế danh, nguyên người thôn Tây An, xã Long Phước, thuộc Hoa Châu (thuộc tương đương tổng, do các chúa Nguyễn đặt ở những nơi xa mới khai thác), huyện Duy Xuyên, phủ Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam, đời ông nội tông quân ra trú đóng tại Quảng Trị, nhân đó định cư tại thôn Trung Kiên, tổng Bích La, huyện Đăng Xương, và sư sinh tại đó. Sư đồng niên xuất gia với hòa thượng Đại Tuệ Chiêu Nhiên chùa Thuyền Tôn, rồi thế độ, pháp danh Đạo Minh, hiệu Phổ Tịnh, sau thụ Viên Nhất. Sư bắt đầu trú trì chùa Hàm Long Thiên Thọ (Báo Quốc) ngày 15 tháng Chín năm Gia Long 7 (3/11/1808) do ý chỉ của mẹ vua Gia Long (Hiếu Khương Hoàng hậu). Ngày 14 tháng Chín năm Gia Long 14 (16/10/1815), sư mở giới đàn, độ cho rất nhiều pháp tử. Sư thị tịch năm Bính Tý (1816). Sư có 28 cao đồ hàng chữ “Tánh”, pháp tự hàng chữ “Nhất”, người đầu tiên là Tánh Huệ Nhất Nguyên, đến Tánh Tâm Nhất Trì, Tánh Chiêu Nhất Nguyệt, thứ tư là Tánh Thiên Nhất Định...
- (36) Hòa thượng Mật Hoằng (1753-1825): vốn họ Nguyễn, không rõ thế danh, người tỉnh Bình Định, lưu ngụ ở Gia Định (nay là Thành phố Hồ Chí Minh), sớm xuất gia, nhưng đến năm

1773 mới xuống tóc làm tăng ở chùa Đại Giác, pháp danh Tổ Ấn. Năm 1814, vua Gia Long sau khi trùng kiến chùa Thiên Mụ, mời sư ra làm tăng cang, sau đó kiêm sung trú trì chùa Báo Quốc (1817) và trùng tu chùa ấy. Sư viên tịch ngày mồng 1 tháng Mười năm Ất Dậu (10/11/1825).

- (37) Theo tư liệu của nhà chùa và của Hà Xuân Liêm trong *Lịch sử Phật giáo xứ Huế* thì chính xác là ngày 12 tháng Tám năm Canh Dần, Minh Mạng 11 (18/9/1830).
- (38) Quán Linh Hựu: do vua Minh Mạng xây dựng năm 1829 tại phường Ân Thạnh (nay khoảng nhà thờ Tây Linh, phường Thuận Lộc, trong Kinh Thành Huế), giữa có điện Trùng Tiêu, hai bên có gác Từ Vân, Tường Quang, trước có tam quan và trước nữa gần Ngự Hà có cửa phường Linh Tinh Môn; năm 1843, vua Thiệu Trị liệt vào *Thần kinh nhị thập cảnh*, làm thơ vịnh đề *Linh Quán khánh vận*, khắc bia đá.
- (39) Trâu Khê: dân gian đọc chệch thành Châu Ê, một vùng núi đồi gần lăng vua Khải Định (Ứng Lăng).
- (40) Không rõ số lượng bao nhiêu. Trong *Hàm Long sơn chí*, Như Như đạo nhân chép 15 bài kệ phó pháp của sư cho đệ tử hàng chữ Hải như Hải Chiếu Đoan Trang, Hải Trạch Thiệu Hoa, Hải Thuận Lương Duyên, Hải Phong Vĩnh Mậu, Hải Trường Pháp Lữ..., sau đó lại kê 41 vị không có kệ như Hải Giác Đoan Nghiêm, Hải Đức Trinh Tường, Hải Thanh Nhật Lệ, Hải Yến Chân Như, Hải Hội Nhân Du...
- (41) Dương lịch trong khoảng từ ngày 30/7 đến 28/8 năm 1848.
- (42) Dương lịch ngày 21/4/1898. Trong cuốn *Lịch sử Phật giáo xứ Huế*, nhà nghiên cứu Hà Xuân Liêm chắc chắn là năm 1899 (tr. 322).
- (43) Theo Hà Xuân Liêm thì sư sinh ngày mồng 4 tháng Ba năm Canh Ngọ. Đối chiếu Dương lịch là ngày 7/4/1810.
- (44) Theo Hà Xuân Liêm, sư được thể phát thụ Sa Di thập giới nhằm ngày Phật Đản (theo lịch cũ) ngày 8 tháng Tư năm Giáp Ngọ (16/5/1834).
- (45) Tam giới cũng là Cụ Túc giới. Sau khi thụ tam giới, sư theo thầy lên Dương Xuân lập An Dưỡng am tu hành.
- (46) Theo Hà Xuân Liêm, sư đắc pháp ngày 12 tháng Mười Một năm Giáp Thìn (21/12/1844). Bỏ sư trao bài thi kệ phó pháp như sau (theo *Hàm Long sơn chí*): 綱紀經權不執方 / 隨機應用善思量 / 朝朝相識難尋跡 / 日日穿衣喫飯常 *Cương kỷ kinh quyền bất chấp phương / Tùy cơ ứng dụng thiện tư lường / Triều triều tương thức nan tầm tích / Nhật nhật xuyên y khiết phạn thường* (Đầu mối kinh quyền chẳng kể phương / Tùy cơ dùng lấy khéo lo lường / Mai mai bạn hữu tìm không thấy / Buổi buổi nhai cơm mặc áo thường).
- (47) Lão hòa thượng chùa Báo Quốc bấy giờ là Diệu Giác, pháp huynh của sư.
- (48) Trong *Hàm Long sơn chí*, Như Như đạo nhân chép lời mở đầu khác hẳn như sau (dịch): “Trộm nghĩ: Cõi sống chết hiện tại chứa nhiều tội lỗi, chìm đắm nặng nề trong vòng luân hồi lục đạo, khổ không nói được. Nay được nghe danh hiệu Di Đà, nguyện làm công đức, một lòng tụng niệm cầu được vãng sinh. Xin đức Phật từ bi thương xót nhận cho. Đệ tử là Hải Thiệu có mười lăm lời nguyện”. Lời nguyện chép lại cũng có vài chữ khác trên bia, như “bất tỷ bạch y” chứ không phải “bất tự bạch y”, “hữu biệt tôn ty” chứ không phải “vô gián tôn ty”, “tâm năng nhĩn nhục” chứ không phải “tâm thường nhĩn nhục”, “bất quá hậu thì” chứ không phải “bất quá hậu kỳ”, “duy trì tế hạnh” chứ không phải “cảng trì tế hạnh”, “cư đắc an bản” chứ không phải “cư hằng an ổn”, “hạn hà thì chí, hoạch dự tiên tri” chứ không phải “Tịch diệt

thời chí, hoạch nghi tiên tri”. Kết thúc còn có câu: Lược giải sở ngữ vĩnh di chư hậu vân nhĩ. Cần soạn (Sơ lược vài lời để lại mãi mãi cho đời sau. Kính soạn).

- (49) Bạch y: chỉ người thế tục để phân biệt với người xuất gia tu Phật. Ở Ấn Độ thời xưa, người thế tục và người Bà La Môn thường mặc áo màu trắng, còn người xuất gia tu Phật thì mặc đồ hoại sắc, gọi là truy y. Bạch Y Quan Âm cũng là một vị bồ tát, đại sĩ, thường mặc áo trắng ngự trên tòa sen trắng. Thân hình sư Cương Kỷ có gì khác lạ so với người thường? Hà Xuân Liêm viết: “Hòa thượng Cương Kỷ có một dị tướng là hàng lông mi dài che lấp cả mắt, khi muốn nhìn ai hoặc muốn đọc kinh sách, thiền sư phải lấy tay xách hàng lông mi lên nhìn, xong thì thả xuống. Khi thả lông mi xuống, ngài không thấy gì cả” (*Lịch sử Phật giáo xứ Huế*, sđd, tr. 320). Không biết sư còn gì khác tục nữa...
- (50) Thị phi: sự phải trái ở đời, nói đến chuyện đời thế tục.
- (51) Tôn ty: trên dưới, trật tự cao thấp của con người trong xã hội. Sư xem mọi người đều như nhau, không phân biệt vua, quan, dân gì cả. Hà Xuân Liêm kể chuyện có lần vua Thành Thái lên thăm sư, “Vua nhẹ nhàng đến bên hòa thượng, để nhẹ tay lên ngài, hòa thượng hỏi. Vua đáp: Thưa hòa thượng, Thành Thái đây. Hòa thượng lấy tay xách mi mắt lên nhìn và hỏi: “Vua đó à?”. Sấn đĩa sấn thị giả bưng lên, hòa thượng đưa tay mời vua ăn một cách tự nhiên, vô ngại. Đình thần hộ giá và các sư trong chùa sợ xanh mặt. Vua cũng ăn sấn với hòa thượng rất bình thường”.
- (52) Oan thân: Cái thể xác do ngũ uẩn, lục trần, tứ đại hợp thành, phải chịu đựng tứ khổ (sinh, lão, bệnh, tử); cái thân này thì ai cũng như ai, từ vua đến dân, từ sang tới hèn, cho nên phải tu hành để giải thoát nó, trở thành pháp thân như đức Phật; pháp thân (dharmakaya) là thân đạo lý, có bốn đức (thường, lạc, ngã, tịnh), không vướng vào bốn khổ. Đức Phật còn có báo thân (hay sinh thân) là cái thân mang xuống thế, và hóa thân là thân hiện ra để độ chúng sinh. Trong trường hợp này, chữ “thân” phải viết 身 (hình hài vật chất, mình mẩy của người và sự vật). *Từ điển Phật học Hán Việt* không có từ “oan thân”, mà có từ “oán thân”, cụm từ “oán thân bình đẳng” và giải thích “oán” là kẻ thù, “thân” là người gần gũi, bà con, bạn bè; tín đồ Phật giáo tuân theo lòng đại từ bi tuyệt đối coi kẻ oán thù và người thân hữu như nhau, không phân biệt hậu bạc, nặng nhẹ (*PHHVTĐ*, tr. 943). Chúng tôi cảm thấy chưa ổn. Kẻ thù là người làm le hại ta, hại cha mẹ, anh em, bà con, dân tộc ta, sao ta lại phải xem họ như những người ta thương yêu được. Vả lại, Phật giáo không có khái niệm kẻ thù, mà cũng không có ai thù với Phật giáo cả. Chúng tôi vẫn chưa hiểu được ý nghĩa từ “oan thân”. Mong các bậc cao tăng thạc đức chỉ giáo!
- (53) Liên Trì: ao sen, chỉ xứ Phật, vì hoa sen thơm, lẫn trong bùn mà không lây nhiễm mùi hôi của bùn. Phật thường ngự trên tòa sen là hình ảnh tiêu biểu.
- (54) Xách dép tây quy: chỉ nhà sư qua đời. Sách *Truyền đăng lục* chép: “Năm Thái Hòa thứ 19 đời Hiến Minh Đế nhà Hậu Ngụy, Đạt Ma đại sư ngồi ngay ngắn mà hóa ở chùa Thiên Thành Vũ Môn, các đệ tử chôn thầy ở núi Hùng Nhĩ, dựng tháp ở chùa Định Lâm. Hai năm sau, Ngụy Tống Văn vâng mệnh đi sứ từ Tây Vực về, lại gặp đại sư ở núi Thông Lĩnh, tay cầm một chiếc giày, phờ phờ mà đi. Văn hỏi: Đại sư đi đâu? Đại sư đáp: Đi sang Tây phương. Văn tâu hết với vua về chuyện đó. Nhà vua bèn ra lệnh đào mộ đại sư lên để xem, thì thấy quan tài trống không, và chỉ còn một chiếc giày ở đó” (*TĐPHHV*, tr. 233).
- (55) Chủng trí: tức “nhất thiết chủng trí”, từ dùng để tôn xưng đức Phật, vì ngài có cái trí hiểu biết tất cả các pháp.

- (56) Tâm Tịnh, Huệ Minh: sư Tâm Tịnh kế tục sư Huệ Đăng trú trì chùa Từ Hiếu, rồi nhường lại cho sư Huệ Minh mà khai sơn chùa Tây Thiên (xem văn bia chùa Tây Thiên). Sư Huệ Minh (1861-1939) người làng Dã Lê (Giã Lê), huyện Hương Thủy, phủ Thừa Thiên (nay thuộc phường Thủy Phương, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế), đệ tử của sư Cương Kỳ, được giao chức tri sự, rồi lên làm trú trì thay Tâm Tịnh. Sư mở ba đại giới đàn tại chùa năm 1924, truyền pháp cho 450 giới tử từ Quảng Bình đến Quảng Ngãi, lại đại trùng tu chùa năm 1931.
- (57) Hà Xuân Liêm cho biết rõ hơn: Sư sinh năm Bính Dần, Gia Long 5 (1806), quán tại xã Bích Khê, tổng Bích La, huyện Thuận Xương, phủ Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị. Như vậy là sư đồng hương với các vị tiền bối.
- (58) Cũng theo Hà Xuân Liêm, năm Minh Mạng 11 (1830), tại giới đàn chùa Báo Quốc do hòa thượng Tế Chánh Bồn Giác làm Đường đầu hòa thượng, sư được thụ giới (hẳn là giới Cụ Túc), vừa 24 tuổi; đến năm Minh Mạng 16, tức năm Ất Mùi (1835), được cấp giới đao và độ điệp; năm Minh Mạng 18, tức năm Đinh Dậu (1837), được hòa thượng Nhất Định phó pháp, trao bài kệ (theo *Hàm Long sơn chí*): 良緣會遇芥針投 / 道合心傳稱所求 / 福慧雙修無間斷 / 光揚祖印永長流 *Lương duyên hội ngộ giới châm đầu / Đạo hợp tâm truyền xứng sở cầu / Phúc tuệ song tu vô gián đoạn / Quang dương tổ ấn vĩnh trường lưu* (Tạm dịch: Duyên may gặp gỡ nên kim cái / Đạo hợp truyền tâm xứng nguyện cầu / Phúc tuệ đều tu không cách trở / Sáng trưng ấn tổ mãi bền lâu).
- (59) Năm Tự Đức thứ 2 (1849), sư mới được bổ làm trú trì và tăng cang chùa Diệu Đế. Từ Hiếu không phải là chùa công nên không có chức tăng cang. Mười năm sau (1859), sư mới về trú trì chùa Báo Quốc do sơn môn yêu cầu.
- (60) Không phải tự thân đạo pháp suy vi mà có lý do. Năm 1866, Đoàn Hữu Trưng vận động dân phu xây dựng Khiêm Cung nổi dậy làm đảo chính lật đổ vua Tự Đức, việc không thành, rất nhiều người tham gia bị bắt xử cực hình, trong đó có một số sư sãi, đặc biệt sư Nguyễn Văn Quý, trú trì chùa Long Quang. Vua Tự Đức tức giận, giám sát chặt chẽ chùa chiền, hạn chế sư sãi, Phật giáo rơi vào tình trạng điêu linh một thời gian dài...
- (61) Theo danh sách trong *Hàm Long sơn chí*, sư thế độ đệ tử tỳ kheo 39 vị, tỳ kheo ni 34 vị (trong đó có 5 bà Công Nữ, một bà Thực phi triều trước là Nguyễn Thị Xuyên, hai bà công chúa An Mỹ Huy Nhu, Phú Hậu Phương Trinh...).
- (62) Lão nạp: lời tự xưng khiêm tốn của người già.
- (63) Chùa núi: sơn tự, chỉ chùa của các nhà sư khai sơn. Xưa, người ta phân biệt hai loại chùa: quan tự là chùa công, chùa do vua cho xây dựng và mời sư về coi sóc (chức trú trì, tăng cang), và sơn tự là chùa do các thiền sư khai sơn.
- (64) Đối chiếu Dương lịch khoảng từ ngày 6/4 đến ngày 4/5 năm 1894.

## PHỤ LỤC

### 1. Bia ghi việc xây dựng chùa Từ Hiếu

Nguyên văn:

[前面]

### 敕賜慈孝寺碑記

寺在承天香水縣楊春社分土山連還前襟小溪御屏鎮其東南香江繞其西北亦京師一妙勝景也寺乃一定禪僧古俗姓阮住持顯化處也僧初住覺皇寺戒律精嚴久為檀那所信向晚臘返于斯土結庵修

禪善信雲集徒弟子眾終依然一方丈一蓬廬也丁未年十月七日僧示寂其山門因于故庵築塔藏舍利焉戊申年二月日在家信徒弟子太監楊威鄧信阮卿杜示阮德陳襲陳言吳超宮監范慶阮肅武衛范森高詳楊乙范深鄧三阮真黃正並信女法名清芳鄧氏草法名清安尼美人黎氏專淑人阮氏卯承事陳氏宣隨事阮玉是嚴阮氏幸久慕世尊慈悲之德追感一定勸化之功發菩提心併力捐貲新其寺三間二廡後建統會堂左樂善堂右愛日堂及碑鐘亭僧房各一均墻以磚屋以瓦內安三世佛像觀世音菩薩像護法龍天菩薩像伽藍真宰關聖帝君菩薩像巨鐘一祀田祀器法器胥備留原僧綱弟子孝徒等監守功既以事聞欽奉賴賜名慈孝寺併奉恩給錢七百貫示勸落成太監楊威鄧信杜示等將具事勒碑徵文於楷楷素好內典弗獲辭即盟手謹誌之曰妙哉寺乎美矣哉其名乎古寺曰招提曰伽藍曰道場者異其名也曰遺愛曰憫忠曰報恩曰崇慶因其義也寺且無量無邊計也而以慈孝命名此其一也夫慈者佛之大德也非慈無已接眾生濟萬類孝者佛之首行也非孝無以冠天地達幽冥大學曰君子不出家而成教於國則以止慈教天下之語儒者皆可奉為法言也大哉遠乎止哉淵乎聖人為人心世道計者亦至矣矧是寺者一定禪僧能奉慈化接眾生而檀樾許多人或可以登花臚之玄門悟毘盧之性海者非慈之屬耶宮監人等能以孝道奉師長而莊嚴此功德又可以寓先人之香火作身後之津梁非孝之屬耶雖六年成道一定也未敢望之大雄師十頃布金善信也未敢擬之給孤獨而其顯一門之慈孝振萬古之尊風此寺豈虛名乎未論從因受果瓜豆之理必然但即教之明名義之正斯人也斯寺也斯名也其善蓋不可泯焉是為記銘曰

|          |          |
|----------|----------|
| 慈悲孝順佛教精玄 | 追懷德水愛廣福田 |
| 慈孝名寺皇訓寓焉 | 梵宇煌煌金壁箋箋 |
| 山不在高名在有仙 | 上奉佛祖內承家先 |
| 緬維一定苦行修禪 | 一門慈好耀後光前 |
| 楊春故址庵院蕭然 | 善不為小福等無邊 |
| 善哉宮監信悟有緣 | 勒之貞石以壽其傳 |

嗣德萬萬年之二己酉孟夏穀旦

署協辦大學士領刑部尚書受在家菩薩戒法名大方阮登楷

恭記

[後面]

嗣德十九年歲次丙寅孟春吉日

宮監院太監等勒續碑誌

竊念人生夢幻空嗟塵局之非真世事滄桑只此心田之自在我內院一生禁闥百歲荒邱奉敕賜慈孝寺是我西歸惟黎綱紀大師為吾覺路粗疏自奉不求人世之膏油禪寂一心自他緣之結集棟樑此地古刹利用示莊嚴香火新藍頑石化成鮮嫩金錢布地古亦何人寶筏濟迷今欣有托為此共培心地造買良田所以結他生淨土之緣寸地寸心聊以誌今日檀那之福併及十方一切信供鑄于石以貽不朽云初有節次何員人造供田干具陳于後碑記前朝才人潘氏貴典帑阮德統事鄧氏寂同供田壹畝貳箇清藍社大內弘仁寺尼姑黎氏專供田肆畝五箇在神符社檢事陳科鄧信典帑杜示同供田壹畝五箇前朝宮城阮迪氏契供田五箇管事杜氏辰供田壹畝以上在神符社承佐黃正弟子阮氏平郎中正室裴氏教同供田壹畝五箇在清藍社承佐段隨奉儀胡川承佐黎忠鄧士陳覺承務范賞供田壹畝在清藍社原護帑馮養供田壹畝貳高在楊春社護帑阮居阮有供田壹畝肆高在楊春社武繼陳心供田壹畝在楊春社檢事黃石供田五高護帑阮多供事裴潤供田五箇在潮水社原承佐黎菊宮監阮求吳合阮提裴豹陶度黎諒陳福供田肆箇在楊春社段飛前朝宮人阮氏興黃氏靜阮是安黎氏歷從事阮氏恕隨事阮氏唾從事阮氏善弟子阮氏安慈孝寺住持黎統事阮氏唾吳氏妍阮氏秋同供田壹畝貳箇在神符社親女氏稅奉祀本寺大師黎並內院等竊擬寶刹有年今應修補但為恆產不敷無由料理幸有弟子奉儀太監阮鳳矢發梁心不辭汗馬普勸檀那施主共種福田仰其高貴尊榮布普金地咸霑樂助圓成功德無量勝矣欽蒙慈裕博惠太皇太后賜白金五兩莊

懿皇后賜錢五百貫善妃阮廷氏前朝內宮貴列當朝光妃陳氏皇子第二阮福並本院員人及善信等奉供多以高懸默垂證鑒

歲在乙酉仲春吉日興功修補

敬誌

Phiên âm:

[Tiền diện]

### Sắc tứ Từ Hiếu tự bi ký

Tự tại Thừa Thiên Hương Thủy huyện, Dương Xuân xã phận; thổ sơn liên hoàn, tiền khâm tiểu Khê; Ngự Bình trấn kỳ đông nam, Hương Giang nhiều kỳ tây bắc, diệc kinh sư nhất diệu thắng dã. Tự nãi Nhất Định thiên tăng cổ tục tính Nguyễn trú trì, hiển hóa xứ dã. Tăng sơ trú Giác Hoàng tự, giới luật tinh nghiêm, cứu vi đàn na sở tín, hướng văn lập, phản vu tư thổ kiến am tu thiền, thiện tín vân tập, đồ đệ nhật chúng, chung y nhiên nhất phương tượng, nhất bình lư dã. Đinh Mùi niên thập nguyệt thất nhật, tăng thị tịch, kỳ sơn môn nhân vu cổ am trúc tháp tăng xá lợi yên. Mậu Thân niên nhị nguyệt nhật, tại gia tín đồ đệ tử thái giám Dương Oai, Đặng Tín, Nguyễn Khanh, Đỗ Thị, Nguyễn Đức, Trần Tập, Trần Ngôn, Ngô Siêu, cung giám Phạm Lãm, Nguyễn Túc, Võ Cù, Phạm Lâm, Cao Dương, Dương Ất, Phạm Thâm, Đặng Tam, Nguyễn Chấn, Hoàng Chính, tịnh tín nữ pháp danh Thanh Phương Đặng Thị Thảo, pháp danh Thanh An ni Mỹ nhân Lê Thị Chuyên, Thục nhân Nguyễn Thị Mão, thừa sự Trần Thị Tuyên, tùy sự Nguyễn Ngọc Thị Nghiêm, Nguyễn Thị Hạnh, cứu mộ Thế Tôn từ bi chí đức, truy cảm Nhất Định khuyến hóa chi công, phát bồ đề tâm tinh lực quyên tư (tỷ), tân kỳ tự tam gian nhị hạ, phục kiến Thống Hội đường tả, Lạc Thiện đường hữu, Ái Nhật đường cập bi chung đình, tăng phòng các nhất, quân tường dĩ chuyên, ốc dĩ ngỗ, nội an Tam Thế Phật tượng, Quan Thế Âm Bồ Tát tượng, Hộ Pháp Long Thiên Bồ Tát tượng, Già Lam Chân Tể Quan Thánh Đế Quân Bồ Tát tượng, cụ chung nhất quả, tự điền, tự khí, pháp khí tư bị, lưu nguyên tăng cang đệ tử hiếu đồ đẳng giám thủ. Công ký, dĩ sự văn, khâm phụng lại tứ danh Từ Hiếu tự, tính phụng ân cấp tiền thất bách quan thị khuyến. Lạc thành, thái giám Dương Oai, Đặng Tín, Đỗ Thị đẳng tương cụ sự lạc bi, trưng văn ư Giai. Giai tổ hiếu nội điển, phát hoạch từ, tức quán thủ cần chí chí, viết:

Diệu tai! Tự hồ mỹ hĩ tai kỳ danh hồ! Cổ tự viết chiêu đề, viết già lam, viết đạo trường giả dị kỳ danh dã; viết di ái, viết miễn trung, viết báo ân, viết sùng khánh giả nhân kỳ nghĩa dã. Tự thả vô lượng vô biên kê dã, nhi dĩ Từ Hiếu mệnh danh, thử kỳ nhất dã. Phù! Từ giả Phật chi đại đức dã, phi từ vô dĩ tiếp chúng sinh, tế vạn loại; hiếu giả Phật chi thủ hạnh dã, phi hiếu vô dĩ quán thiên địa, đạt u minh. *Đại học* viết: quân tử bất xuất gia nhi thành giáo ư quốc, tắc dĩ chỉ từ giáo giáo thiên hạ chi ngữ, Nho giả giai khả phụng vi pháp ngôn dã... Đại tai! Viễn hồ! Chỉ tai! Uyên hồ! Thánh nhân vi nhân tâm thế đạo kế giả diệc chí hĩ. Thần thị tự dã, Nhất Định thiên tăng năng phụng từ hóa tiếp chúng sinh nhi đàn việt hứa đa nhân hoặc khả dĩ đẳng Hoa Tạng chi huyền môn, ngộ Tì Lư chi tính hải giả phi từ chi thuộc da? Cung giám nhân đẳng năng dĩ hiếu đạo phụng sự trường nhi trang nghiêm thử công đức, hựu khả dĩ ngụ tiên nhân chi hương hỏa, tác thân hậu chi tân lương, phi hiếu chi thuộc da? Tuy lục niên thành đạo, Nhất Định dã, vị cảm vong chi Đại Hùng Sư; thập khoảnh bố kim, thiện tín dã, vị cảm nghi chi Cấp Cô Độc, nhi kỳ hiển nhất môn chi từ hiếu, chán vạn cổ chi tôn phong. Thử tự khởi hư danh hồ! Vị luận tòng nhân thụ quả qua đẩu chi lý, tất nhiên dẫn tức giáo chi minh, danh nghĩa chi chính; tư nhân dã, tư tự dã, như tư danh dã, kỳ thiện cái bất khả miễn yên. Thị vi ký. Minh viết:

Từ bi hiếu thuận, Phật giáo tinh huyền.  
 Từ Hiếu danh tự, hoàng huân ngụ yên.  
 Sơn bất tại cao, danh tại hữu tiên.  
 Miến duy Nhất Định, khổ hạnh tu thiền.  
 Dương Xuân cố chỉ, am viện tiêu nhiên.  
 Thiện tai cung giám, tín ngộ hữu duyên!  
 Truy hoài đức thủy, viên quảng phúc điền.  
 Phạm vũ hoàng hoàng, kim bích tiên tiên.  
 Thượng phụng Phật tổ, nội thừa gia tiên.  
 Nhất môn từ hiếu, diệu hậu quang tiên.  
 Thiện bất vi tiểu, phúc đẳng vô biên.  
 Lạc chi trinh thạch, dĩ thọ kỳ truyền.

Tự Đức vạn vạn niên chi nhị, Kỷ Dậu mạnh hạ cốc nhật.

Thư Hiệp biện Đại học sĩ lãnh Hình Bộ Thượng thư, thụ tại gia Bồ Tát giới, pháp danh Đại Phương, Nguyễn Đăng Giai cung chí.

**[Hậu diện]**

Tự Đức thập cửu niên, tuế thứ Bính Dần mạnh xuân cát nhật, Cung Giám Viện thái giám đẳng lạc tục bi chí.

Thiết niệm: Nhân sinh mộng ảo, không ta trần tục chi phi chân; thế sự thương tang, chỉ thử tâm điền chi tự tại. Ngã Nội Viện nhất sinh cảm thất, bách tuế hoang khâu; phụng sắc tứ Từ Hiếu tự thị ngã tây quy. Duy Lê Cương Kỷ đại sư vi ngô giác lộ. Thô sơ tự phụng, bất cầu nhân thế chi cao du; thiền tịch nhất tâm, hữu tự tha duyên chi kết tập. Đồng doanh thử địa, cổ sát dụng thị trang nghiêm; hương hỏa tân lam, ngoan thạch hóa thành tiên nộn. Kim tiền bố địa, cổ diệc hà nhân? Bảo phiệt tế mê, kim hân hữu thác! Vị thử cộng bồi tâm địa, tạo mãi lương điền, sở đắc dĩ kết tha sinh tịnh độ chi duyên; thốn địa thốn tâm, liêu dĩ chí kim nhật đàn na chi phúc. Tính cập thập phương nhất thiết tín cung cộng truyền vu thạch dĩ di bất hủ vân. Sở hữu tiết thứ hà viên nhân tạo cung điền can cựu trần vu hậu bi ký.

Tiền triều Tài nhân Phan Thị Quý, điển nô Nguyễn Đức, thống sự Đặng Thị Tịch đồng cung điền nhất mẫu nhị sào tại Thanh Lam xã. Đại nội Hoàng Nhân tự ni cô Lê Thị Chuyên cung điền tứ mẫu ngũ sào tại Thần Phù xã. Kiểm sự Trần Khoa, Đặng Tín, điển nô Đỗ Thị đồng cung điền nhất mẫu ngũ sào; tiền triều cung nga Nguyễn Dịch Thị Khế cung điền ngũ sào; quán sự Đỗ Thị Thìn cung điền nhất mẫu; dĩ thượng tại Thần Phù xã. Thừa tá Hoàng Chính, đệ tử Nguyễn Thị Bình, lang trung chính thất Bùi Thị Giáo đồng cung điền nhất mẫu ngũ sào tại Thanh Lam xã. Thừa tá Đoàn Tuy, phụng nghi Hồ Xuyên, thừa tá Lê Trung, Trịnh Sĩ, Trần Giác, thừa vụ Phạm Thượng đồng cung điền nhất mẫu tại Thanh Lam xã. Nguyên hộ nô Phùng Dưỡng cung điền nhất mẫu nhị sào tại Dương Xuân xã. Hộ nô Nguyễn Cư, Nguyễn Hữu cung điền nhất mẫu tứ sào tại Dương Xuân xã. Võ Kế, Trần Tâm cung điền lục sào tại Dương Xuân xã. Kiểm sự Hoàng Thạch cung điền ngũ sào; hộ nô Nguyễn Đa, cung sự Bùi Nhuận cung điền ngũ sào tại Hồ Thủy xã. Nguyên thừa tá Lê Cúc, cung giám Nguyễn Cầu, Ngô Hợp, Nguyễn Đề, Bùi Báo, Đào Độ, Lê Lượng, Trần Phúc cung điền tứ sào tại Dương Xuân xã. Đoàn Phi, tiền triều cung nhân Nguyễn Thị Hưng, Hoàng Thị Tĩnh, Nguyễn Thị An, Lê Thị Lịch, tòng sự Nguyễn Thị Thứ, tùy sự Nguyễn Thị Thóa, tòng sự Nguyễn

Thị Thiện, đệ tử Nguyễn Thị An, Từ Hiếu tự trú trì Lê, thống sự Nguyễn Thị Thóa, Ngô Thị Sành, Nguyễn Thị Thu đồng cung điền nhất mẫu nhĩ sào tại Thần Phù xã, thân nữ thị Thuế phụng tự.

Bổn tự đại sư Lê tịnh nội viện đẳng thiết nghĩ: bảo sát hữu niên, kim ưng tu bổ, dẫn vi hàng sản bất phu, vô do liệu lý, hạnh hữu đệ tử phụng nghi thái giám Nguyễn Phụng thi phát lương tâm, bất từ hãn mã, phổ khuyến đàn na thí chủ cộng chủng phúc điền. Ngưỡng kỳ cao quý tôn vinh bổ phổ kim địa, hàm triêm lạc trợ, viên thành công đức vô lượng thắng hĩ. Khâm mong Từ Dũ Bác Huệ Thái hoàng Thái hậu tứ bạch kim ngũ lượng; Trang Huy Hoàng hậu tứ tiền ngũ bách quán; Thiện phi Nguyễn Đình thị, tiền triều nội cung quý liệt, đương triều Quang phi Trần thị, hoàng tử đệ nhị Nguyễn Phúc, tịnh bổn viện viên nhân cập thiện tín đẳng phụng cung, đa dĩ cao huyền mặc thủy chứng giám.

Tuế tại Ất Dậu trọng xuân cát nhật, hưng công tu bổ.

Kính chí.

## 2. Bìa ghi việc trùng tu chùa Từ Hiếu

Nguyên văn:

[前面]

### 重修慈孝寺碑記

天以道載萬物而道本無形人以福答天意而福見於事觀我生之何來何去識大道之端倪觀世故之或盈或虛知現福之當造且吾儕之生于世也合四方之異以爲同集四姓之疏以爲親公務之暇天清氣爽設席爲歡撫掌共樂旁觀世故俯慨人生有觸於中爰形於外此辰太監胡川興言於眾曰吾儕不耕不織足食足衣奉自天家鼎建百有餘年前輩之來也不知其幾後來之繼也不知其終況吾等壹生大事生子最關飛鳥暮宿胡馬北風言之涕零相看淚落於是阮春奉又唱言曰厥有寺焉曰慈孝是先聖翼宗英皇帝敕之賜也曰有師焉羯摩綱紀大老和尚是我前輩之所皈依也若能重修之增而光之可以契天道可以應世福可以托生死可以了歸寄局不憚厥心力共植福田裕後光前最大喜事眾志既協功料悉辦羯摩和尚證明其事成泰甲午年八月日大興重修增廣殿堂各座新塑佛像二位前堂一廡住院後室碑亭水竇一一整理次年三月功竣當辰院內管務典事奉儀供事武計護帑阮琚應奉承佐宮監黎義縣壽枚榮供事阮提由始就胡川阮鳳陳達裴潤范賞阮來阮多黎菊段孝阮有陶嚴陳福裴芳阮詔宮監阮通由新充斂供錢柒仟伍百貫事聞奉宮皇上恩賜錢貳仟陸百陸拾伍貫歷朝妃嬪皇親貴主文武官員善信等奉供錢共壹仟玖百貫零謹擇典事裴潤奉儀范賞寺長心靜知事慧明董理其事落成慶讚事事圓完戊戌年三月初一日大老和尚圓寂太山頽矣梁木萎矣重羅此景悲悼曷勝我等應住址之所而不能獻一飯以供養吾師四終有皈依之堂而不能睹德容以生善念自今以石以垂不朽云是爲記銘曰

楊春之原香江之溪

鐘落寒山葩瀾武水

十方皈依一切歡喜

所得功德不可思議

玉盞挑青御屏擁翠

願勒斯銘千秋並峙

成泰十一年歲次己亥正月吉日

恭造

[後面]

所有十方獻供數千謹誌列後……

**Phiên âm:**

**[Tiền diện]**

**Trùng tu Từ Hiếu tự bi ký**

Thiên dĩ đạo tải vạn vật nhi đạo bản vô hình; nhân dĩ phúc đáp thiên ý nhi phúc kiến ư sự. Quan ngã sinh chi hà lai hà khứ, thức đại đạo chi đoan nghê; quan thế cổ chi hoặc doanh hoặc hư, tri hiện phúc chi đương tạo. Thả ngô sài chi sinh vu thế dã, hợp tứ phương chi dĩ dĩ vi đồng, tập tứ tính chi sơ dĩ vi thân; công vụ chi nhân, thiên thanh khí sảng, thiết tịch vi hoan, phủ chường kỳ lạc, bàng quan thế cổ, phủ khái nhân sinh, hữu xúc ư trung, viên hình ư ngoại. Thử thời, thái giám Hồ Xuyên hưng ngôn ư chúng viết: “Ngô sài bắt canh bắt chúc, túc thực túc y, phụng thiên gia đỉnh kiến, bách hữu dư niên; tiền bối chi lai dã bất tri kỳ kỷ, hậu lai chi kế dã bất tri kỳ chung. Huống ngô đẳng nhất sinh đại sự sinh tử tối quan. Phi điều mộ túc, Hồ mã bắc phong”. Ngôn chi thể linh, tương khan lệ lạc. Ư thị, Nguyễn Xuân Phụng hựu xướng ngôn viết: “Quyết hữu tự yên, viết Từ Hiếu thị tiên thánh Dực Tông Anh Hoàng đế chi sắc tứ dã; viết hữu sự yên. Yết ma Cương Kỷ đại lão hòa thượng thị ngã tiền bối chi sở quy y dã. Nhược năng trùng tu chi, tăng nhi quang chi, khả dĩ khế thiên đạo, khả dĩ ứng thế phúc, khả dĩ thác sinh tử, khả dĩ liễu quy ký, cục bất đạn”. Quyết tâm lực cộng thực phúc điền, dụ hậu quang tiền, tối đại thiện sự. Chúng chí ký hiệp công liệu tất biện, Yết ma hòa thượng chứng minh. Kỳ sự. Thành Thái Giáp Ngọ niên bát nguyệt nhật, đại hưng trùng tu, tăng quảng điện đường các tòa, tân tổ Phật tượng nhị vị, tiền đường nhất vu, trú viện, hậu thất, bi đình, thủy đậu, nhất nhất chỉnh lý.

Thứ niên tam nguyệt công thuận. Đương thời viện nội quản vụ, điển sự, phụng nghi, cung sự Vũ Kê, hộ nô Nguyễn Cư, ứng phụng, thừa tá, cung giám Lê Nghĩa, Đàm Thọ, Mai Viên, cung sự Nguyễn Đề do thủy tự, Hồ Xuyên, Nguyễn Phụng, Trần Đạt, Bùi Nhuận, Phạm Thường, Nguyễn Lai, Nguyễn Đa, Lê Cúc, Đoàn Hiếu, Nguyễn Hữu, Đào Nghiêm, Trần Phúc, Bùi Phương, Nguyễn Chiêu, cung giám Nguyễn Thông do tân sung, liễm cúng tiền thất thiên ngũ bách quán. Sự khai, phụng cung hoàng thượng ân tứ tiền nhị thiên lục bách lục thập ngũ quán, lịch triều phi tần, hoàng thân, quý chúa, văn võ quan viên, thiện tín đẳng cung tiền cộng nhất thiên cửu bách quán linh. Cẩn trạch điển sự Bùi Nhuận, phụng nghi Phạm Thường, tự trưởng Tâm Tịnh, tri sự Huệ Minh đồng lý kỳ sự; lạc thành khánh tán sự sự viên hoàn. Mậu Tuất niên tam nguyệt sơ nhất nhật, đại lão hòa thượng viên tịch. Thái Sơn đổi hĩ! Lương mộc nuy hĩ! Trùng la thử cảnh bi điều hạt thăng! Ngã đẳng ưng trú chỉ chi sở nhi bất năng hiển nhất quy dĩ cung dưỡng ngô sư, tứ chúng hữu quy y chi đường nhi bất năng đồ đức dung dĩ sinh thiện niệm, tự kim dĩ thạch dĩ thù bất hủ vân. Thị vi ký. Minh viết:

Dương Xuân chi nguyên, Hương Giang chi sĩ.

Chung lạc Hàn Sơn, ba di Vũ Thủy.

Thập phương quy y, nhất thiết hoan hỷ.

Sở đắc công đức, bất khả tư nghị.

Ngọc Trần khiêu thanh, Ngự Bình ủng thúy.

Nguyễn lạc tư minh, thiên thu tịnh trí.

Thành Thái thập nhất niên, tuế thứ Kỷ Hợi chính nguyệt cát nhật cung tạo.

**[Hậu diện]**

Sở hữu thập phương hiển cúng số can cần chí liệt hậu [Lược, xem bản dịch].

### 3. Văn bia ghi hành trạng hòa thượng Tánh Thiên Nhất Định

Nguyên văn:

#### 安養菴一定和尚行寔碑記

和尚廣治省登昌縣碧羅總中堅村人也姓阮甲寅歲童真出家依報國寺普淨和尚本師至年十九剃度爲僧法名性天字一定受三壇戒于密弘和尚嗣法大師亦於普淨和尚丙子本師西逝爲報國寺住持經十四載於明命十一年蒙敕賜戒刀度牒十四年充靈祐觀住持又奉旨覺皇寺僧綱至紹治二年癸卯是六十歲幸蒙恩賜病回養老曾與鄒溪秉常甫預卜塔基于此立菴于左自名爲安養菴頤閒養病至七年丁未是六十四歲十月初七日奄然圓寂遂建塔基于本菴之右其門徒眾盛受教者亦多至嗣德元年内院太監列員同發心重興是寺宏厥其門牆巍峨其棟宇奉敕賜慈孝寺名噫和尚一生之素行本慈悲來眾善之靈根自孝悌始明心于以見性修己後以度他明鏡在懸物咨其照慈雲遍覆樹被其蔭善道之所及者廣矣略陳數語銘之寺石用傳其不朽云垂爲銘記

皇朝嗣德元年七月吉日立

門人等恭誌

Phiên âm:

#### An Dưỡng am Nhất Định hòa thượng hành thực bi ký

Hòa thượng Quảng Trị tỉnh, Đăng Xương huyện, Bích La tổng, Trung Kiên thôn nhân dã. Tính Nguyễn, Giáp Thìn tuế, đồng chân xuất gia, y Báo Quốc tự Phổ Tịnh hòa thượng bốn sư, chí niên thập cửu, thế độ vi tăng, pháp danh Tánh Thiên, tự Nhất Định; thụ tam đàn giới vu Mật Hoàng hòa thượng, tự pháp đại sư diệc ư Phổ Tịnh hòa thượng. Bính Tý, bốn sư tây thế, vi Báo Quốc tự trú trì. Kinh thập tứ tải, ư Minh Mạng thập nhất niên, mộng sắc tứ giới đao, độ điệp; thập tứ niên, sung Linh Hựu quán trú trì, hựu phụng chỉ Giác Hoàng tự tăng cang. Chí Thiệu Trị nhị niên, Quý Mão, thị lục thập tuế, hạnh mông ân tứ bệnh hồi dưỡng lão, tăng dữ Trâu Khê bình thường phủ dự bốc tháp cơ vu thử, lập am vu tả, tự danh vi An Dưỡng am, di nhàn dưỡng bệnh. Chí thất niên, Đinh Mùi, thị lục thập tứ tuế, lục nguyệt sơ thất nhật, yêm nhiên viên tịch; toại kiến tháp cơ vu bốn am chi hữu, kỳ môn đồ chúng thịnh thụ giáo giả diệc đa. Chí Tự Đức nguyên niên, nội viện thái giám liệt viên đồng phát tâm trùng hưng thị tự, hoành sườn kỳ môn tường, nguy nga kỳ đồng vũ, phụng sắc tứ Từ Hiếu tự danh.

Y! Hòa thượng nhất sinh chi tổ hạnh bốn từ bi lai chúng thiện chi linh căn, tự hiếu để thủy minh tâm vu dĩ kiến tánh, tu kỷ hậu dĩ độ tha; minh kính tại huyền, vật tư kỳ chiếu, từ vân biến phú, thụ bị kỳ âm, thiện đạo chi sở cập giả quảng hĩ. Lược trần sở ngữ minh chí tự thạch, dụng truyền kỳ bất hủ vân thủy vi minh ký.

Hoàng triều Tự Đức nguyên niên thất nguyệt cát nhật lập.

Môn nhân đẳng cung chí.

### 4. Văn bia ghi hành trạng hòa thượng Hải Thiệu Cương Kỳ

Nguyên văn:

[前面]

#### [慈孝寺海紹綱紀老和尚塔碑記銘]

戊戌之春三月初一日申牌敕賜慈孝寺羯磨和尚尊師示寂弟子咸受囑月內奉迎入塔嗚呼感慨係之矣尊師年庚午壽八十九諱上海下紹號綱紀廣治春安人黎氏子也年二十四出家二十五剃落三十一受三戒壇三十五得法嗣臨濟正宗四十世敕賜慈孝寺性天和尚之法嗣也嗣德戊申崇興本寺法像

法器一切莊嚴蔚爲神京一名藍成泰甲午協與報國大老和尚大開戒壇此又我皇南一大運事煥乎燁哉  
仰惟尊師慧雲其澤法雨其恩以垂毫之年化導無方薰修不厭叢林表表五十餘春觀德者心碎閑風者感  
慕上自宮府寺院下至十方善信來而皈依授記者其多寺長則首座其一也法嗣則山僧或居士不下三十  
人法子六百戒子七八百印尊師之法心者何深也受尊師之法貌者何厚也尊師年八十五弟子預請建塔  
去年又造碑亭蓋欲壽之貞珉而傳之久遠於是乎銘曰

法座巍巍禪林奕奕  
八十九春奄奄示寂  
十五大願至合果然  
西天聖境信不虛傳

弟子眾登拜誌

[後面]

余年庚午二十四出家二十五剃落三十一受具三十五得法住持本寺四十三星霜荏苒年花蹉跎  
歲月不覺西山薄暮桑影斜暉而今八十一自我一心發十五願仰祈大覺俯作証明垂加哀受是所望願詞  
如左

|            |             |
|------------|-------------|
| 一願身形異俗不似白衣 | 九願弟子眾等災難永離  |
| 二願口常清淨莫說是非 | 十願檀那施主福壽康熙  |
| 三願意行平正無間尊卑 | 十一願冤親平等同赴蓮池 |
| 四願心常忍辱捨貪嗔痴 | 十二願寂滅辰至獲預先知 |
| 五願午中一食不過後期 | 十三願端然坐化隻履西歸 |
| 六願矜持細行不失威儀 | 十四願不生不滅了證無爲 |
| 七願梵宇牢固佛殿光輝 | 十五願早成佛道廣度群迷 |
| 八願居恆安穩日用無虧 |             |

虛空有盡我願無窮

情與無情同圓種智

成泰二年庚寅正月五日

右發願

敕賜慈孝寺羯磨阿闍黎諱上海下紹和尚言

宮監院管太監胡川典事太監阮鳳同供碑一座

弟子心淨慧明眾等恭誌

**Phiên âm:**

**[Tiền diện]**

**[Tứ Hiếu tự Hải Thiệu Cương Kỳ lão hòa thượng tháp bi ký minh]**

Mậu Tuất chi xuân nhuận tam nguyệt sơ nhất nhật thân bài, sắc tứ Tứ Hiếu tự Yết ma hòa  
thượng tôn sư thị tịch; đệ tử hàm thụ chúc, nguyệt nội phụng nghênh nhập tháp. Ô hô! Cảm khái  
hệ chi hĩ! Tôn sư niên canh Canh Ngọ, thọ bát thập cửu, húy thượng Hải hạ Thiệu, hiệu Cương  
Kỳ, Quảng Trị Xuân An nhân, Lê thị tử dã. Niên nhị thập tứ xuất gia, nhị thập ngũ thế lạc, tam thập  
nhất thụ tam giới đàn, tam thập ngũ đắc pháp, tự Lâm Tế chính tông tứ thập thế, sắc tứ Tứ Hiếu  
tự Tánh Thiên hòa thượng chi pháp tự dã. Tự Đức Mậu Thân sùng hưng bản tự, pháp tự pháp khí

nhất thiết trang nghiêm, úy vi thần kinh nhất danh lam. Thành Thái Giáp Ngọ hiệp dữ Báo Quốc đại lão hòa thượng đại khai giới đàn, thủ hựu ngã Hoàng Nam nhất đại vận sự. Hoán hồ! Vĩ tai! Ngưỡng duy tôn sư; tuệ vân kỳ trạch, pháp vũ kỳ ân, dĩ thủy mạo chi niên, hóa đạo vô phương, huân tu bất yếm, từng lâm biểu biểu. Ngũ thập dư xuân, dịch đức giả tâm toái, bế phong giả cảm mộ; thượng tự cung phủ tự viện, hạ chí thập phương thiện tín, lai nhi quy y, thụ ký giả kỳ đa tự trường tắc thủ tọa kỳ nhất dã, pháp tự tắc sơn tăng hoặc cư sĩ bất hạ tam thập nhân, pháp tử lục bách, giới tử thất bát bách; ấn tôn sư chi pháp tâm giả hà thâm dã; thụ tôn sư chi pháp mạo giả hà hậu dã. Tôn sư niên bát thập ngũ, đệ tử dự thỉnh kiến tháp, khứ niên hựu tạo bi đình, cái dục thọ chi trình môn nhi truyền chi cửu viễn. Ư thị hồ minh viết:

Pháp tọa nguy nguy, thiền lâm dịch dịch.

Bát thập cửu xuân, yếm nhiên thị tịch.

Thập ngũ đại nguyện, chí hợp quả nhiên.

Tây thiên thánh cảnh, tín bất hư truyền.

Đệ tử chúng đẳng bái chí.

#### [Hậu diện]

Dư niên Canh Ngọ, nhị thập tứ xuất gia, nhị thập ngũ thể lạc, tam thập nhất thụ cụ, tam thập ngũ đắc pháp, trú trì bản tự tứ thập tam tinh sương; nhĩm nhĩm niên hoa, sa đà tuế nguyệt, bất giác tây sơn bạc mộ, tang ảnh tà huy, nhi kim bát thập nhất, tự ngã nhất tâm phát thập ngũ nguyện, ngưỡng kỳ Đại Giác phủ tác chứng minh, thù gia ai thụ, thị sở vọng nguyện, từ như tả:

Nhất nguyện thân hình di tục, bất tự bạch y.

Nhị nguyện khẩu thường thanh tịnh, mạc thuyết thị phi.

Tam nguyện ý hành bình chính, vô gián tôn ti.

Tứ nguyện tâm thường nhĩn nhục, xả tham sân si.

Ngũ nguyện ngộ trung nhất thực, bất quá hậu kỳ.

Lục nguyện căng trì tế hạnh, bất thất uy nghi.

Thất nguyện phạm vũ lao cổ, Phật điện quang huy.

Bát nguyện cư hằng an ổn, nhật dụng vô khuy.

Cửu nguyện đệ tử chúng đẳng, tai nạn vĩnh ly.

Thập nguyện đàn na thí chủ, phúc thọ khang hy.

Thập nhất nguyện oan thân bình đẳng, đồng phó Liên trì.

Thập nhị nguyện tịch diệt thời chí, hoạch dự tiên tri.

Thập tam nguyện đoan nhiên tọa hóa, chích lý tây quy.

Thập tứ nguyện bất sinh bất diệt, liễu chứng vô vi.

Thập ngũ nguyện tạo thành Phật đạo, quảng độ quần mê.

Hư không hữu tận, ngã nguyện vô cùng.

Tình dữ vô tình, đồng viên chủng trí.

Thành Thái nhị niên, Canh Dần chính nguyệt ngũ nhật.

Hữu phát nguyện.

Lại từ Từ Hiếu tự Yết ma a đồ lê hựu thượng Hải hạ Thiệu hòa thượng ngôn.

Cung Giám Viện quản thái giám Hồ Xuyên, điển sự thái giám Nguyễn Phụng đồng cung bi nhất tòa.

Đệ tử Tâm Tịnh, Huệ Minh chúng đẳng cung chí.

### 5. Văn bia ghi hành trạng hòa thượng Hải Thuận Lương Duyên

Nguyên văn:

#### [妙光塔碑記]

安養塔之右復有一塔屹立妙光塔也藏吾師妙諦僧綱杜和尚金骨一大佳城是生前有願寂而歸寢也和尚廣治碧溪社人丙寅十三歲出家依報國寺一定和尚剃度為僧法名海順號良緣乙未蒙給戒刀度牒準充伊寺住持繼而僧綱幾四十年餘官寺朝暮祈禱之暇崇建報國寺又因餘力波集于慧林金僊諸寺夫當佛法少衰吾師一出而紹隆之其為德廣而下植多是以諸方善信聞法皈依觀德心醉因而回心向善或求剃度或乞法派者不知其幾百輩也又因之而親獲衣鉢真傳今稱法嗣嫡子則九人焉本朝開創以來統繼開壇度生者諸和尚只六人耳爾來幾三四十年無寥聊無聞吾師深憫夢局之難醒佛法之難悟甲午年四月十九日大開戒壇辰年已八十九歲支持耄耋普為一切眾生圓成一大件事此又與功德之最大者也壇局圓完之後日而彌康忽一日語與親信曰吾將西歸矣至乙未年正月十一日微示有疾召集門徒付示法要十三日辰牌茶罷端坐而化壽九十歲至四月十八日午牌奉迎入塔當此之辰雲山暗淡樹木悲淒會送眾人同懷戀慕嗟嗟世之有寸能薄善猶且刻于金石以傳無窮況我和尚一生辛苦歷幾春秋而忍視其埋沒無傳則吾等之過也於是相與謀勒于貞石豎于塔前以示堅固而垂永久且吾師依登妙覺迴觀世身皆幻人我都空又何堅永之足云然吾等之所以諄諄于銘刻則又無可堅可永之中而擇其可示後人者聊誌數語以光吾師之德此正所以為堅永也夫是為記

宮監院管務太監胡川典事太監阮春鳳同供石碑

成泰七年四月十八日

門徒人等拜立

Phiên âm:

#### [Diệu Quang tháp bi ký]

An Dưỡng tháp chi hữu phục hữu nhất tháp ngật lập, Diệu Quang tháp dã; tàng ngô sư Diệu Đế tăng cang Đổ hòa thượng kim cốt nhất đại giai thành, thị sinh tiền hữu nguyện tịch nhi quy tẩm dã.

Hòa thượng Quảng Trị Bích Khê xã nhân, Bình Dân thập tam tuế xuất gia, y Báo Quốc tự Nhất Định hòa thượng thế độ vi tăng, pháp danh Hải Thuận, hiệu Lương Duyên. Ất Mùi, môn cấp giới đao độ điệp, chuẩn sung y tự trú trì, kế nhi tăng cang. Cơ tứ thập niên dư quan tự triều mộ kỳ đảo chi hạ, sùng kiến Báo Quốc tự, hựu nhân dư lực, ba tập Tuệ Lâm, Kim Tiên chư tự.

Phù! Đường (thời) Phật pháp thiếu suy, ngô sư nhất xuất nhi thiệu long chi, kỳ vi đức quảng nhị hạ thực đa, thị dĩ chư phương thiện tín văn pháp quy y, định đức tâm tủy nhân nhi hồi tâm hướng thiện, hoặc cầu thế độ, hoặc khát pháp phái giả bất tri kỳ cơ bách bối dã. Hựu nhân chi nhi thân hoạch y bát chân truyền, kim xưng pháp tự đích tử tác cửu nhân yên. Bản triều khai sáng dĩ lai, thống kế khai đàn độ sinh giả chư hòa thượng chỉ lục nhân nhĩ. Nhĩ lai cơ tam tứ thập niên, liêu liêu vô văn, ngô sư thâm mẫn mộng cục chi nan tình, Phật pháp chi nan ngộ, Giáp Ngọ niên tứ nguyệt thập cửu nhật, đại khai giới đàn, thời niên bát thập cửu tuế, chi trì mạo cốt, phổ vi nhất thiết chúng sinh, viên thành nhất đại kiện sự, thử hựu dữ công đức chi tối đại giả dã. Đàn cục viên hoàn chi hậu, nhật nhi di khang. Hốt nhất nhật ngữ dữ thân tín viết: “Ngô tương tây quy hĩ”. Chí Ất Mùi niên chính nguyệt thập nhất nhật, vi thị hữu tật, triệu tập môn đồ phó thị pháp yếu;

thập tam nhật Thìn bài, trà bãi, đoan tọa nhi hóa, thọ cữu thập tuế. Chí tứ nguyệt thập bát nhật Ngọ bài, phụng nghênh nhập tháp.

Đương thử chi thời, vân sơn âm đạm, thụ mộc bi thể, hội tổng chúng nhân đồng hoài luyến mộ. Ta ta thể chi hữu thốn, năng bạc thiện, do thả khắc vu kim thạch dĩ truyền vô cùng. Huống ngã hòa thượng nhất sinh tân khổ, lịch kỷ xuân thu nhi nhĩn thi kỳ mai một vô truyền, tắc hựu ngô đẳng chi quá dã. Ư thị tương dữ mưu lạc vu trình thạch, thụ vu tháp tiền dĩ thị kiên cố nhi thủy vĩnh cửu. Thả ngô sư y đẳng diệu giác hồi quan, thân thể giai ảo, nhân ngã đồ không, hựu hà kiên vĩnh chi túc vân. Nhiên ngô đẳng sở dĩ truân truân vu minh khắc tắc hựu vu vô khả kiên khả vĩnh chi trung, nhi trạch kỳ khả thị hậu nhân giả sở chí sở ngữ dĩ quang ngô sư chi đức; thử chính sở dĩ vi kiên vĩnh dã. Phù thị vi ký.

Cung Giám Viện Quản vụ thái giám Hồ Xuyên, Điền sự thái giám Nguyễn Xuân Phụng đồng cung thạch bi.

Thành Thái thất niên tứ nguyệt thập bát nhật.

Môn đồ nhân đẳng bái lập.

## 6. Văn bia tháp Bồ Đề

Nguyên văn:

[菩提塔記]

敕賜慈孝寺老衲海紹竊炤神京重地官寺山寺最爲勝蹟者也然而藏經藏像之塔古來未之有也茲應營築一塔便收損壞經像藏焉但於項料希多未能供辦適遇弟子典事太監阮春鳳以事寄奏候奉皇太后聖聰洞鑒念及愚衷彩納其言特賜鉛錢土磚以充雇辦因而寘扁曰菩提塔永垂後世以彰禪道遙祈諸寺庵人家誰有經像壞矣端祈遞就悉來棲藏於此次免流失遮哉古人敬惜之至意是老衲之厚願也銘曰

聖賢法像於藏焉藏

敬之惜之與千地長

成泰丙申年季春吉日造

Phiên âm:

[Bồ Đề tháp ký]

Sắc tứ Từ Hiếu tự lão nạp Hải Thiệu thiết chiếu: Thần kinh trọng địa, quan tự sơn tự tối vi thắng tích giả dã. Nhiên nhi tàng kinh tàng tượng chi tháp, cổ lai vị chi hữu dã. Tư ưng dinh trúc nhất tháp, tiện thu tổn hoại kinh tượng tàng yên. Dẫn ư hạng liệu hi đa, vị năng cung biện. Thích ngộ đệ tử Điền sự thái giám Nguyễn Xuân Phụng dĩ sự ký tấu, hậu phụng Hoàng thái hậu thánh thông động giám, niệm cập ngu trung, thể nạp kỳ ngôn, đặc tứ duyên tiền thổ chuyên dĩ sung cố biện. Nhân nhi trí biển viết "Bồ Đề tháp", vĩnh thủy hậu thể dĩ chương thiền đạo. Dao kỳ chư tự am, nhân gia thủy hữu kinh tượng hoại hĩ, chuyên kỳ đệ tự tất lai tiếp tàng ư thử, thứ miễn lưu thất giả tai. Cổ nhân kính tích chi chí ý. Thị lão nạp chi hậu nguyện dã. Minh viết:

Thánh hiền pháp tượng, ư tạng yên tàng.

Kính chi tích chi, dữ thiên địa trường.

Thành Thái Bính Thân niên quý xuân cát nhật tạo.